BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2013/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", TX. là chữ viết tắt của "thị xã", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Điện Biên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Điện Biên Phủ	
2	Thị xã Mường Lay	
3	Huyện Điện Biên	
4	Huyện Điện Biên Đông	
5	Huyện Mường Ảng	
6	Huyện Mường Chà	
7	Huyện Mường Nhé	
8	Huyện Nậm Pồ	
9	Huyện Tủa Chùa	
10	Huyện Tuần Giáo	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Him Lam 1	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 26"	103° 01' 42"					F-48-63-A
bản Him Lam 2	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 40"	103° 01' 51"					F-48-63-A
bản Huổi Phạ	DC	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 56"	103° 02' 19"					F-48-63-A
hồ Huổi Phạ	TV	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 23"	103° 02' 38"					F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	P. Him Lam	TP. Điện Biên Phủ			21° 24' 42"	103° 02' 28"	21° 23' 47"	103° 00' 40"	F-48-63-A
đồi A1	SV	P. Mường Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 02"	103° 00' 57"					F-48-63-A
tổ dân phố 1	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 32"	103° 00' 41"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 28"	103° 00' 47"					F-48-63-A
tổ dân phố 9	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 17"	103° 00' 43"					F-48-63-A
tổ dân phố 11	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 09"	103° 00' 23"					F-48-63-A
tổ dân phố 14	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 17"	103° 01' 12"					F-48-63-A
bản Co Cáng	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 09"	103° 01' 23"					F-48-63-A
bản Khá	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 27"	103° 01' 39"					F-48-63-A
bản Pom Loi	DC	P. Nam Thanh	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 40"	103° 01' 29"					F-48-63-A
tổ dân phố 2	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 22' 53"	103° 02' 01"					F-48-63-A
tổ dân phố 3	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 13"	103° 02' 05"					F-48-63-A
tổ dân phố 4	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 16"	103° 01' 49"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 41"	103° 01' 49"					F-48-63-A
bản Hồng Líu	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 08"	103° 01' 41"					F-48-63-A
bản Noong Bua	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 31"	103° 02' 02"					F-48-63-A
bản Phiêng Bua	DC	P. Noong Bua	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 47"	103° 01' 59"					F-48-63-A
tổ dân phố 2	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 25"	102° 59' 47"					F-48-63-A
tổ dân phố 3	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 39"	103° 00' 00"					F-48-63-A
tổ dân phố 6	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 22"	103° 00' 18"					F-48-63-A
tổ dân phố 9	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 55"	102° 59' 49"					F-48-62-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 11	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 34"	103° 00' 12"					F-48-63-A
bản Che Phai	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 02"	103° 00' 05"					F-48-63-A
bản Mớ	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 57"	103° 00' 35"					F-48-63-A
bản Na Lanh	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 32"	103° 00' 19"					F-48-63-A
bản Na Púng	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 36"	103° 01' 09"					F-48-63-A
bản Ta Pô	DC	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 43"	103° 00' 36"					F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ			21° 24' 41"	103° 01' 35"	21° 24' 12"	103° 00' 35"	F-48-63-A
quốc lộ 12	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ			21° 29' 32"	103° 01' 13"	21° 24' 11"	103° 00' 10"	F-48-63-A
sân bay Điện Biên Phủ	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 51"	103° 00' 15"					F-48-63-A
hầm Đờ Cát	KX	P. Thanh Trường	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 07"	103° 00' 30"					F-48-63-A
bản Kê Nênh	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 29"	103°04' 02"					F-48-63-A
bản Nà Nghè	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 19"	103°04 ' 57"					F-48-63-A
bản Tà Lèng	DC	xã Tả Lèng	TP. Điện Biên Phủ	21° 23' 47"	103°03' 20"					F-48-63-A
tổ dân phố 1	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 24' 52"	103° 02' 32"					F-48-63-A
tổ dân phố 2	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 17"	103° 02' 29"					F-48-63-A
bản Co Củ	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 23"	103° 02' 15"					F-48-63-A
bản Na Lơi	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 56"	103° 03' 00"					F-48-63-A
bản Pa Pốm	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 29"	103° 01' 37"					F-48-63-A
bản Phiêng Lơi	DC	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 25' 42"	103° 02' 37"					F-48-63-A
nậm Khẩu Hú	TV	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 27' 12"	103° 01' 38"	21° 26' 41"	103° 02' 25"	F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 26' 41"	103° 02' 25"	21° 24' 42"	103° 02' 28"	F-48-63-A
quốc lộ 279	KX	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ			21° 27' 05"	103° 02' 53"	21° 24' 40"	103° 02' 30"	F-48-63-A
thủy điện Nà Lơi	KX	xã Thanh Minh	TP. Điện Biên Phủ	21° 26' 24"	103° 02' 43"					F-48-63-A
bản Bắc 1	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 00' 39"	103° 09' 19"					F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bắc 2	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 48"	103° 09' 20"					F-48-39-C
bản Ho Cang	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 59' 45"	103° 08' 42"					F-48-51-A
bản Ho Luông	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 59' 19"	103° 09' 00"					F-48-51-A
bản Hua Huổi Luông	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 16"	103° 06' 51"					F-48-39-C
bản Huổi Luân	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 58' 08"	103° 09' 08"					F-48-51-A
bản Lé	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 58' 36"	103° 08' 26"					F-48-51-A
bản Ló 1	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 58' 35"	103° 08' 53"					F-48-51-A
bản Ló 2	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 58' 39"	103° 08' 57"					F-48-51-A
bản Mo	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 27"	103° 08' 52"					F-48-39-C
bản Na Ca	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 52"	103° 08' 53"					F-48-39-C
bản Ổ	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 15"	103° 09' 09"					F-48-39-C
bản Tạo Sen	DC	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 59' 33"	103° 08' 37"					F-48-51-A
đèo Sá Tổng	SV	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 10"	103° 09' 49"					F-48-39-C
núi Huổi Luông	SV	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	22° 00' 08"	103° 07' 05"					F-48-39-C
nặm Cản	TV	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay			22° 02' 52"	103° 04' 39"	22° 01' 22"	103° 07' 57"	F-48-39-C
cầu Huổi Hái	KX	P. Lay Nưa	TX. Mường Lay	21° 59' 43"	103° 09' 07"					F-48-39-C
quốc lộ 6A	KX	P. Na Lay	TX. Mường Lay			22° 00' 58"	103° 09' 47"	22° 03' 06"	103° 09' 43"	F-48-39-C
huổi Mút	TV	P. Na Lay	TX. Mường Lay			22° 02' 48"	103° 07' 07"	22° 02' 59"	103° 09' 24"	F-48-39-C
huổi Toong	TV	P. Na Lay	TX. Mường Lay			22° 02' 21"	103° 08' 19"	22° 02' 11"	103° 09' 15"	F-48-39-C
khu Đồi Cao	DC	P. Sông Đà	TX. Mường Lay	22° 04' 23"	103° 09' 21"					F-48-39-C
sông Đà	TV	P. Sông Đà	TX. Mường Lay			22° 06' 10"	103° 06' 02"	22° 04' 14"	103° 11' 21"	F-48-39-C
nặm Lay	TV	P. Sông Đà	TX. Mường Lay			22° 03' 13"	103° 09' 20"	22° 04' 33"	103° 09' 35"	F-48-39-C
huổi Min	TV	P. Sông Đà	TX. Mường Lay			22° 04' 49"	103° 05' 54"	22° 04' 51"	103° 07' 36"	F-48-39-C
huổi Cái	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 08' 28"	103° 01' 17"	21° 10' 01"	102° 59' 11"	F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Cáy Phặc	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 10' 26"	103° 00' 45"	21° 11' 25"	103° 00' 06"	F-48-63-C
bản Công Binh	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 12' 43"	103° 03' 18"					F-48-63-C
nặm Hẹ	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 08' 31"	102° 58' 56"	21° 13' 15"	103° 02' 59"	F-48-62-D, F-48-63-C
huổi Múa	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 15' 33"	103° 07' 05"	21° 15' 58"	103° 06' 39"	F-48-63-A
bản Na Côm	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 11' 24"	102° 59' 57"					F-48-62-D
bản Nậm Hẹ 1	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 12' 54"	103° 02' 02"					F-48-63-C
bản Nậm Hẹ 2	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 12' 32"	103° 01' 33"					F-48-63-C
nặm Ngám	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 16' 12"	103° 07' 06"	21° 15' 47"	103° 01' 57"	F-48-63-C
nặm Núa	TV	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên			21° 12' 06"	103° 03' 19"	21° 15' 25"	103° 03' 23"	F-48-63-C
bản Pá Hẹ	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 13' 12"	103° 03' 11"					F-48-63-C
khu Púng Bửa	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 08' 46"	102° 59' 06"					F-48-62-D
bản Ten Núa	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 14' 54"	103° 03' 17"					F-48-63-A
bản Tin Đán	DC	xã Hẹ Muông	H. Điện Biên	21° 14' 06"	103° 05' 04"					F-48-63-C
pu Am Pu	SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 28' 41"	102° 57' 54"					F-48-62-B
cầu Bản Tâu	KX	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 14"	103° 00' 32"					F-48-62-B
nậm Có	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 29' 48"	103° 02' 03"	21° 27' 01"	103° 00' 37"	F-48-63-A
bản Co Pục	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 10"	103° 00' 50"					F-48-63-A
nậm Luống	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 28' 03"	102° 58' 21"	21° 27' 21"	103° 00' 31"	F-48-63-A F-48-62-B
bản Nà Hý	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 26' 44"	103° 00' 46"					F-48-63-A
bản Na Ten	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 58"	102° 59' 25"					F-48-62-B
pu Nậm Qua	SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 35"	102° 55' 00"					F-48-62-B
bản Nậm Ty	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 55"	102° 55' 53"					F-48-62-B
nậm Ngọp	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 27' 04"	102° 58' 28"	21° 27' 21"	103° 00' 31"	F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Pa Sáng	SV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 29' 17"	103° 01' 40"					F-48-63-A
bản Pá Sáng	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 29' 10"	103° 01' 21"					F-48-63-A
bản Tâu	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 27' 33"	103° 00' 31"					F-48-63-A
nậm Ti	TV	xã Hua Thanh	H. Điện Biên			21° 25' 56"	102° 52' 44"	21° 29' 09"	102° 56' 13"	F-48-62-B
bản Xá Nhù	DC	xã Hua Thanh	H. Điện Biên	21° 28' 34"	103° 01' 06"					F-48-63-A
Đồn Biên phòng 433	KX	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 57"	103° 13' 41"					F-48-75-A
huổi Chon	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 59' 30"	103° 13' 44"	20° 58' 22"	103° 15' 23"	F-48-75-A
huổi Có	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 54' 38"	103° 14' 39"	20° 55' 46"	103° 15' 20"	F-48-75-A
bản Co Đứa	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 29"	103° 15' 16"					F-48-63-D
huổi Hẹt	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 11"	103° 11' 14"	20° 55' 30"	103° 10' 07"	F-48-75-A
bản Huổi Chon	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 09"	103° 17' 07"					F-48-63-D
bản Huổi Không	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	21° 01' 26"	103° 13' 25"					F-48-63-C
pu Huổi Na	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 55' 31"	103° 13' 21"					F-48-75-A
Trạm Biên phòng Huổi Puốc	KX	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 00"	103° 13' 28"					F-48-75-A
huổi Không	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			21° 01' 05"	103° 09' 53"	21° 02' 27"	103° 16' 45"	F-48-63-C
huổi Kía	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 54' 45"	103° 16' 24"	20° 55' 46"	103° 15' 20"	F-48-75-A
bản Lói 1	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 30"	103° 14' 43"					F-48-75-A
bản Lói 2	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 26"	103° 14' 44"					F-48-75-A
pu Móc Mum	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 56' 47"	103° 12' 23"					F-48-75-A
huổi Na	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 40"	103° 14' 06"	20° 56' 22"	103° 14' 37"	F-48-75-A
bản Na Chén	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 55' 37"	103° 09' 56"					F-48-75-A
bản Nạ Cọ	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 57' 23"	103° 12' 45"					F-48-75-A
bản Noong É	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 16"	103° 15' 16"					F-48-75-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Chả	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 59' 08"	103° 07' 11"					F-48-75-A
pu Phung Nết	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 53"	103° 09' 17"					F-48-75-B
huổi Púng	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 57' 08"	103° 17' 20"	20° 59' 01"	103° 16' 24"	F-48-75-A
huổi Puốc	TV	xã Mường Lói	H. Điện Biên			20° 55' 17"	103° 12' 33"	20° 57' 03"	103° 13' 21"	F-48-75-A
pu Tao	SV	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 54' 49"	103° 16' 57"					F-48-75-B
bản Tin Tốc	DC	xã Mường Lói	H. Điện Biên	20° 58' 18"	103° 15' 35"					F-48-75-B
bản Ban	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 04"	103° 06' 56"					F-48-63-C
huổi Ca	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 56"	103° 07' 48"	21° 07' 02"	103° 06' 42"	F-48-63-C
huổi Chai	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 56"	103° 04' 35"	21° 07' 56"	103° 05' 42"	F-48-63-C
huổi Chậu	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 29"	103° 04' 24"	21° 07' 56"	103° 04' 35"	F-48-63-C
pu Háng Lìa	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 09' 37"	103° 07' 46"					F-48-63-C
bản Hồi Hương	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 05' 25"	103° 08' 54"					F-48-63-C
huổi Ít	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 03' 42"	103° 06' 57"	21° 05' 26"	103° 07' 30"	F-48-63-C
bản Khon Kén	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 04' 49"	103° 09' 22"					F-48-63-C
huổi Lạ	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 04' 11"	103° 08' 33"	21° 04' 57"	103° 07' 18"	F-48-63-C
huổi Lắc Con	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 06' 11"	103° 08' 20"	21° 06' 35"	103° 06' 44"	F-48-63-C
huổi Lếch	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 05' 37"	103° 04' 08"	21° 07' 31"	103° 06' 04"	F-48-63-C
pu Mạy Tứn	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 09' 08"	103° 09' 33"					F-48-63-C
bản Na Hôm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 06' 35"	103° 06' 28"					F-48-63-C
bản Na Khoang	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 09"	103° 06' 08"					F-48-63-C
bản Na Phay	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 09"	103° 05' 45"					F-48-63-C
huổi Ngam	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 10' 03"	103° 06' 46"	21° 09' 23"	103° 05' 44"	F-48-63-C
nặm Núa	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 05' 26"	103° 07' 30"	21° 12' 06"	103° 03' 19"	F-48-63-C
huổi Ỏ	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 08' 40"	103° 10' 09"	21° 07' 56"	103° 07' 48"	F-48-63-C
bản Pá Có	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 02"	103° 05' 37"					F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pe	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 07' 22"	103° 04' 28"	21° 07' 49"	103° 05' 52"	F-48-63-C
pu Pha Óng	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 02' 12"	103° 03' 06"					F-48-63-C
bản Phi Cao	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 54"	103° 10' 27"					F-48-63-C
bản Phiêng Sáng	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 08' 05"	103° 05' 39"					F-48-63-C
huổi Sản	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 05' 49"	103° 09' 38"	21° 05' 26"	103° 07' 30"	F-48-63-C
huổi Tếu	TV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên			21° 09' 20"	103° 07' 07"	21° 07' 54"	103° 05' 44"	F-48-63-C
pu Trung Sừa Phìa	SV	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 12' 03"	103° 05' 47"					F-48-63-C
bản Trung Tâm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 07' 45"	103° 06' 04"					F-48-63-C
bản Xôm	DC	xã Mường Nhà	H. Điện Biên	21° 05' 21"	103° 07' 29"					F-48-63-C
bản Cang 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 00"	103° 08' 40"					F-48-63-A
bản Cang 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 51"	103° 08' 38"					F-48-63-A
bản Cang 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 04"	103° 08' 35"					F-48-63-A
bản Cang 4	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 09"	103° 28' 47"					F-48-63-A
bản Che Căn	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 41"	103° 08' 16"					F-48-63-A
bản Co Đuống	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 17"	103° 09' 12"					F-48-63-A
bản Co Líu	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 57"	103° 07' 21"					F-48-63-A
bản Co Mận 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 10"	103° 08' 24"					F-48-63-A
bản Co Mận 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 25"	103° 08' 23"					F-48-63-A
bản Khá	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 27"	103° 09' 27"					F-48-63-A
bản Khẩu Cắm	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 53"	103° 09' 31"					F-48-63-A
pú Khâu Huốt	SV	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 25' 52"	103° 08' 36"					F-48-63-A
bản Loọng Luông 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 42"	103° 08' 50"					F-48-63-A
bản Loọng Luông 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 29' 02"	103° 08' 59"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Loọng Nghịu	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 45"	103° 09' 44"					F-48-63-A
bản Loọng Háy	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 29' 06"	103° 09' 13"					F-48-63-A
bản Pá Chả	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 28' 03"	103° 05' 43"					F-48-63-A
bản Phăng 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 07"	103° 08' 42"					F-48-63-A
bản Phăng 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 12"	103° 08' 54"					F-48-63-A
bản Phăng 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 10"	103° 09' 13"					F-48-63-A
bản Pú Sung	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 02"	103° 04' 23"					F-48-63-A
bản Tân Bình	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 26' 45"	103° 09' 25"					F-48-63-A
bản Vang 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 44"	103° 04' 47"					F-48-63-A
bản Vang 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 42"	103° 04' 48"					F-48-63-A
bản Yên 1	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 37"	103° 08' 26"					F-48-63-A
bản Yên 2	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 42"	103° 08' 22"					F-48-63-A
bản Yên 3	DC	xã Mường Phăng	H. Điện Biên	21° 27' 47"	103° 08' 11"					F-48-63-A
pu An	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 11"	102° 58' 13"					F-48-50-D
suối Báng Cang	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 29' 54"	103° 01' 53"	21° 29' 47"	103° 00' 13"	F-48-51-C, F-48-50-D
huổi Chan	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 36' 13"	103° 02' 59"	21° 36' 23"	103° 01' 25"	F-48-51-C, F-48-50-D
bản Cò Chạy 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 11"	103° 00' 41"					F-48-51-C
bản Cò Chạy 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 21"	103° 00' 40"					F-48-51-C
huổi Dan	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 30' 50"	102° 59' 09"	21° 31' 01"	103° 00' 38"	F-48-51-C, F-48-50-D
huổi Dên	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 33' 13"	102° 59' 06"	21° 33' 03"	103° 00' 41"	F-48-51-C, F-48-50-D
pu Hang	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 37"	103° 01' 54"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Háp	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 01"	102° 57' 29"					F-48-50-D
huổi Háp	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 31' 50"	102° 59' 38"	21° 32' 04"	103° 00' 33"	F-48-51-C, F-48-50-D
pu Huổi Chan	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 35' 27"	103° 00' 53"					F-48-51-C
bản Huổi Chan 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 36' 17"	103° 01' 24"					F-48-51-C
bản Huổi Chan 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 36' 07"	103° 03' 10"					F-48-51-C
bản Huổi Un	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 41"	103° 02' 09"					F-48-51-C
pu Huổi Un	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 26"	103° 02' 42"					F-48-51-C
bản Lính	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 34' 16"	103° 00' 54"					F-48-51-C
huổi Lính	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 34' 23"	102° 59' 50"	21° 34' 16"	103° 00' 51"	F-48-51-C, F-48-50-D
bản Mường Pồn 1	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 42"	103° 00' 36"					F-48-51-C
bản Mường Pồn 2	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 32' 25"	103° 00' 37"					F-48-51-C
pu Nậm Khẩu Hú	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 33' 47"	103° 03' 16"					F-48-51-C
bản Pá Trả	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 30' 44"	102° 57' 58"					F-48-50-D
pu Pao	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 31' 56"	102° 59' 02"					F-48-50-D
nậm Pồn	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 32' 18"	103° 00' 36"	21° 34' 52"	103° 00' 59"	F-48-51-C, F-48-50-D
pu Sưa	SV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 33' 04"	102° 59' 05"					F-48-50-D
nậm Ti	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 29' 45"	102° 54' 56"	21° 35' 05"	102° 59' 05"	F-48-50-D, F-48-62-B
bản Tin Tốc	DC	xã Mường Pồn	H. Điện Biên	21° 34' 49"	103° 01' 02"					F-48-51-C
huổi Tin Tốc	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 34' 52"	103° 00' 59"	21° 35' 23"	103° 00' 30"	F-48-51-C, F-48-50-D
huổi Un	TV	xã Mường Pồn	H. Điện Biên			21° 32' 19"	103° 02' 22"	21° 31' 56"	103° 00' 37"	F-48-51-C, F-48-50-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 279	KX	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 29' 57"	103° 06' 47"	21° 27' 04"	103° 02' 53"	F-48-51-C
huổi Hẹ Nọi	TV	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 31' 34"	103° 05' 16"	21° 30' 03"	103° 05' 49"	F-48-51-C
bản Huổi Hẹ 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 06' 08"					F-48-51-C
bản Huổi Hộc	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 47"	103° 05' 57"					F-48-63-A
bản Nà Ngám 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 34"	103° 06' 38"					F-48-63-A
bản Nà Ngám 2	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 39"	103° 06' 33"					F-48-63-A
bản Nà Ngám 3	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 53"	103° 06' 47"					F-48-63-A
bản Nà Nhạn 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 32"	103° 04' 05"					F-48-63-A
bản Nà Nhạn 2	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 07"	103° 03' 54"					F-48-63-A
bản Nà Nhạn 3	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 32"	103° 03' 52"					F-48-63-A
bản Nà Nọi 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 57"	103° 04' 40"					F-48-51-C
bản Nà Nọi 2	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 56"	103° 05' 56"					F-48-63-A
huổi Nà Pen	TV	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên			21° 30' 26"	103° 03' 44"	21° 29' 27"	103° 02' 42"	F-48-51-C, F-48-63-A
bản Nà Pen 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 36"	103° 02' 44"					F-48-51-C
bản Nà Pen 2	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 30' 18"	103° 02' 36"					F-48-51-C
bản Nậm Khẩu Hú	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 10"	103° 01' 36"					F-48-63-A
bản Pá Khôm Thái	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 28' 29"	103° 07' 15"					F-48-63-A
bản Tẩu Pung 1	DC	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 29' 28"	103° 04' 54"					F-48-63-A
thủy điện Thác Bay	KX	xã Nà Nhạn	H. Điện Biên	21° 27' 53"	103° 03' 10"					F-48-51-C
quốc lộ 279	KX	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 31' 36"	103° 09' 56"	21° 29' 57"	103° 06' 47"	F-48-51-C
bản Cang 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 32"	103° 08' 03"					F-48-51-C
bản Cang 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 36"	103° 07' 59"					F-48-51-C
bản Co Đứa	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 40"	103° 08' 31"					F-48-51-C
bản Co Sáng	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 47"	103° 08' 20"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hoa	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 39"	103° 07' 38"					F-48-51-C
bản Hồng Líu	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 43"	103° 07' 43"					F-48-63-A
bản Hua Luống	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 57"	103° 08' 50"					F-48-63-A
bản Hua Rốm	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 32' 59"	103° 07' 38"					F-48-51-C
bản Huổi Hạ	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 14"	103° 07' 58"					F-48-51-C
kho K31	KX	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 03"	103° 07' 21"					F-48-51-C
nậm Khẩu Hú	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 34' 59"	103° 06' 38"	21° 27' 11"	103° 01' 38"	F-48-51-C
nậm Luông	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 29' 52"	103° 08' 46"	21° 30' 02"	103° 07' 00"	F-48-63-A
bản Nà Cái 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 53"	103° 07' 33"					F-48-51-C
bản Nà Cái 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 56"	103° 07' 26"					F-48-51-C
bản Nà Láo	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 23"	103° 08' 24"					F-48-51-C
bản Nà Luống 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 08"	103° 07' 53"					F-48-63-A
bản Nà Luống 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 07"	103° 07' 53"					F-48-63-A
bản Nà Luống 3	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 08' 19"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 35"	103° 02' 07"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 44"	103° 07' 06"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 3	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 29"	103° 06' 57"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 4	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 06"	103° 07' 19"					F-48-51-C
bản Nà Tấu 5	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 58"	103° 07' 27"					F-48-63-A
bản Nà Tấu 6	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 16"	103° 06' 55"					F-48-51-C
pu Nậm Khẩu Hú	SV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 35' 49"	103° 04' 37"					F-48-51-C
pú Phá Thóng	SV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 34' 21"	103° 06' 22"					F-48-51-C
huổi Phá Thóng	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 34' 11"	103° 05' 41"	21° 33' 45"	103° 03' 55"	F-48-51-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 53"	103° 09' 01"					F-48-51-C
nậm Rốm	TV	xã Nà Tấu	H. Điện Biên			21° 31' 15"	103° 08' 05"	21° 29' 58"	103° 06' 47"	F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tà Cáng 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 31' 51"	103° 08' 38"					F-48-51-C
bản Tà Cáng 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 32' 19"	103° 08' 41"					F-48-51-C
bản Trung Tâm 1	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 08"	103° 07' 12"					F-48-51-C
bản Trung Tâm 2	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 29' 49"	103° 07' 04"					F-48-63-A
bản Xôm	DC	xã Nà Tấu	H. Điện Biên	21° 30' 56"	103° 08' 13"					F-48-51-C
huổi Chanh	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 08' 00"	103° 02' 08"	21° 07' 56"	103° 04' 35"	F-48-63-C
huổi Châu	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 06' 52"	103° 03' 06"	21° 07' 56"	103° 04' 35"	F-48-63-C
bản Gia Phú A	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 05' 35"	102° 58' 21"					F-48-62-D
bản Gia Phú B	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 05' 12"	102° 58' 26"					F-48-62-D
bản Hát Tao	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 11' 44"	103° 03' 35"					F-48-63-C
nặm Hẹ	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 06' 22"	103° 00' 01"	21° 06' 58"	102° 59' 06"	F-48-62-D
bản Hin Phon	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 49"	103° 02' 22"					F-48-63-C
bản Huổi Chanh	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 08' 13"	103° 03' 27"					F-48-63-C
huổi Hươm	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 09' 35"	103° 03' 57"	21° 09' 20"	103° 05' 00"	F-48-63-C
huổi Kho Khe	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 11' 27"	103° 05' 17"	21° 10' 48"	103° 04' 44"	F-48-63-C
huổi Kín	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 09' 24"	103° 03' 15"	21° 10' 51"	103° 04' 10"	F-48-63-C
bản Na Hươm	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 09' 00"	103° 05' 01"					F-48-63-C
bản Na Ỏ	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 08' 28"	103° 05' 08"					F-48-63-C
bản Na Sản	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 11"	103° 04' 22"					F-48-63-C
bản Na Tông 1	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 18"	103° 04' 29"					F-48-63-C
bản Na Tông 2	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 09' 41"	103° 05' 03"					F-48-63-C
huổi Ôm Bọt	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 12' 17"	103° 04' 59"	21° 11' 29"	103° 03' 43"	F-48-63-C
bản Pá Kín	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 10' 43"	103° 04' 17"					F-48-63-C
huổi Pha Cư	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 07' 12"	103° 00' 48"	21° 08' 31"	102° 58' 56"	F-48-62-D
huổi Pha Lay	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 04' 31"	103° 00' 57"	21° 05' 59"	103° 06' 50"	F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Quang	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 09' 47"	103° 07' 12"	21° 08' 56"	103° 05' 06"	F-48-63-C
pu Sơn Tống	SV	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 06' 59"	102° 59' 45"					F-48-62-D
bản Sơn Tống	DC	xã Na Tông	H. Điện Biên	21° 06' 34"	103° 01' 42"					F-48-63-C
huổi Sơn Tống	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 04' 46"	103° 00' 41"	21° 04' 52"	103° 02' 09"	F-48-63-C
huổi Vàng Sử	TV	xã Na Tông	H. Điện Biên			21° 06' 58"	102° 59' 06"	21° 08' 07"	102° 58' 39"	F-48-62-D
quốc lộ 279	KX	xã Na Ư	H. Điện Biên			21° 16' 28"	102° 56' 36"	21° 13' 06"	102° 54' 22"	F-48-62-D
Đồn Biên phòng Cửa khẩu Tây Trang 429	KX	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 14' 58"	102° 54' 59"					F-48-62-D
pu Cao Pen	SV	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 12' 18"	102° 54' 59"					F-48-62-D
bản Con Cang	DC	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 13' 33"	102° 56' 05"					F-48-62-D
Trạm Biên phòng Cửa khẩu Tây Trang	KX	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 12' 51"	102° 54' 30"					F-48-62-D
bản Hua Thanh	DC	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 12' 20"	102° 57' 12"					F-48-62-D
huổi Ka Hâu	TV	xã Na Ư	H. Điện Biên			21° 14' 08"	102° 55' 26"	21° 16' 13"	102° 56' 44"	F-48-62-B F-48-62-D
bản Ka Hâu A	DC	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 14' 39"	102° 55' 03"					F-48-62-D
pu Mai Nai	SV	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 10' 06"	102° 57' 59"					F-48-62-D
huổi Moi	TV	xã Na Ư	H. Điện Biên			21° 13' 56"	102° 54' 18"	21° 15' 22"	102° 51' 54"	F-48-62-D
bản Na Láy	DC	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 15' 13"	102° 55' 04"					F-48-62-B
bản Na Ư	DC	xã Na Ư	H. Điện Biên	21° 11' 42"	102° 57' 28"					F-48-62-D
huổi Nậm Hẹ	TV	xã Na Ư	H. Điện Biên			21° 08' 07"	102° 58' 39"	21° 11' 00"	102° 59' 28"	F-48-62-D
huổi Rống	TV	xã Na Ư	H. Điện Biên			21° 10' 55"	102° 55' 21"	21° 10' 40"	102° 59' 08"	F-48-62-D
bản Huổi Púng	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 19' 02"	103° 03' 10"					F-48-63-A
thôn Lập Thành	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 35"	103° 01' 14"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nậm Rốm	TV	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên			21° 19' 03"	102° 59' 49"	21° 17' 46"	103° 00' 02"	F-48-63-A
bản Noong Hẹt	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 18"	102° 59' 59"					F-48-63-A
bản Phủ	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 56"	103° 00' 18"					F-48-63-A
thôn Sam Phương	DC	xã Noong Hẹt	H. Điện Biên	21° 18' 01"	103° 00' 06"					F-48-63-A
thôn A1	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 52"	102° 59' 37"					F-48-62-B
bản Co Luống	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 52"	102° 58' 18"					F-48-62-B
bản Huổi Phúc	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 40"	102° 58' 13"					F-48-62-B
bản Liếng	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 21"	102° 18' 21"					F-48-62-B
sông Nậm Núa	TV	xã Noong Luống	H. Điện Biên			21° 19' 03"	102° 59' 49"	21° 17' 19"	102° 56' 39"	F-48-62-B
bản Nôm	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 18' 58"	102° 58' 35"					F-48-62-B
bản On	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 19' 04"	102° 59' 20"					F-48-62-B
bản Phiêng Quái	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 55"	102° 58' 50"					F-48-62-B
bản Thanh Chính	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 40"	102° 58' 26"					F-48-62-B
bản U Va	DC	xã Noong Luống	H. Điện Biên	21° 17' 11"	102° 59' 26"					F-48-62-B
bản Hát Hẹ	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 16' 03"	103° 02' 27"					F-48-63-A
bản Hợp Thành	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 31"	103° 03' 57"					F-48-63-A
bản Huổi Hua	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 13' 00"	103° 04' 29"					F-48-63-C
bản Na Dôn	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 17"	103° 01' 38"					F-48-63-A
bản Na Sang 1	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 55"	103° 05' 38"					F-48-63-A
bản Na Sang 2	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 16' 00"	103° 06' 48"					F-48-63-A
bản Pá Bông	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 43"	103° 04' 41"					F-48-63-A
bản Pá Ngam 1	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 21"	103° 03' 36"					F-48-63-A
bản Sái Lương	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 14' 32"	103° 01' 55"					F-48-63-A
bản Ta Lét	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 25"	103° 02' 49"					F-48-63-A
bản Tân Ngam	DC	xã Núa Ngam	H. Điện Biên	21° 15' 38"	103° 04' 24"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Phăng	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên			21° 23' 41"	103° 07' 10"	21° 26' 07"	103° 07' 34"	F-48-63-A
bản Bó	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 54"	103° 05' 33"					F-48-63-A
bản Bua	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 58"	103° 07' 56"					F-48-63-A
bản Co Cưởm	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 35"	103° 05' 12"					F-48-63-A
bản Co Thón	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 21"	103° 07' 48"					F-48-63-A
bản Công	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 57"	103° 07' 23"					F-48-63-A
bản Đông Mệt	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 33"	103° 07' 33"					F-48-63-A
bản Hả 1	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 14"	103° 05' 56"					F-48-63-A
bản Hả 2	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 17"	103° 05' 22"					F-48-63-A
bản Muông	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 12"	103° 06' 16"					F-48-63-A
bản Nghịu 1	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 20"	103° 07' 15"					F-48-63-A
bản Nghịu 2	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 24' 07"	103° 07' 20"					F-48-63-A
hồ Pá Khoang	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 26' 04"	103° 06' 35"					F-48-63-A
nậm Phung	TV	xã Pá Khoang	H. Điện Biên			21° 23' 45"	103° 07' 10"	21° 26' 07"	103° 07' 34"	F-48-63-A
bản Sáng	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 23' 20"	103° 05' 43"					F-48-63-A
bản Ten	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 13"	103° 07' 29"					F-48-63-A
bản Xôm 1	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 04"	103° 07' 44"					F-48-63-A
bản Xôm 2	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 32"	103° 07' 49"					F-48-63-A
bản Xôm 3	DC	xã Pá Khoang	H. Điện Biên	21° 25' 22"	103° 07' 48"					F-48-63-A
Đồn Biên phòng 425	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 43"	102° 54' 24"					F-48-62-B
pu Lao Yao	SV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 29"	102° 57' 12"					F-48-62-B
huổi Moi	TV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên			21° 15' 22"	102° 51' 54"	21° 14' 51"	102° 49' 10"	F-48-62-B
bản Pa Thơm	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 46"	102° 55' 01"					F-48-62-B
Trạm Biên phòng Pa Thơm	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 17' 34"	102° 56' 34"					F-48-62-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pa Xa Lào	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 34"	102° 55' 02"					F-48-62-B
bản Pa Xa Xá	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 56"	102° 55' 08"					F-48-62-B
bản Púng Bon	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 18' 10"	102° 54' 07"					F-48-62-B
động Tam Hoa	KX	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 17' 10"	102° 55' 01"					F-48-62-B
huổi Tát Mạ	TV	xã Pa Thơm	H. Điện Biên			21° 20' 57"	102° 55' 41"	21° 18' 39"	102° 55' 12"	F-48-62-B
bản Xa Cuông	DC	xã Pa Thơm	H. Điện Biên	21° 19' 40"	102° 55' 50"					F-48-62-B
huổi Cảnh	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 15"	103° 05' 29"	20° 59' 25"	103° 07' 46"	F-48-75-A
huổi Chén	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 54' 27"	103° 07' 56"	20° 55' 46"	103° 09' 47"	F-48-75-A
pu Côn Tăng	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 54' 32"	103° 07' 07"					F-48-75-A
huổi Há	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 42"	103° 10' 44"	20° 58' 32"	103° 10' 14"	F-48-75-A
huổi Han	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 17"	103° 11' 05"	20° 58' 18"	103° 10' 39"	F-48-75-A
huổi Hua	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 55' 21"	103° 06' 27"	20° 57' 26"	103° 12' 02"	F-48-75-A
bản Huổi Cảnh	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 52"	103° 06' 45"					F-48-75-A
huổi Ít	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			21° 01' 18"	103° 05' 15"	21° 03' 42"	103° 06' 57"	F-48-63-C
bản Kham Pọm	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 00' 24"	103° 07' 55"					F-48-63-C
huổi Lang	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 49"	103° 05' 45"	20° 59' 27"	103° 08' 35"	F-48-75-A
pu Lang Hươn	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 23"	103° 08' 57"					F-48-75-A
huổi Lao Thao	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 54' 06"	103° 06' 57"	20° 54' 49"	103° 07' 36"	F-48-75-A
pu Lau	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 02' 54"	103° 06' 55"					F-48-63-C
nậm Ma	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 27"	103° 08' 35"	21° 02' 30"	103° 16' 46"	F-48-75-A
bản Na Há 1	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 49"	103° 09' 46"					F-48-75-A
bản Na Há 2	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 58' 32"	103° 10' 24"					F-48-75-A
nậm Nhụ	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 57' 34"	103° 05' 13"	20°58' 42"	103° 06' 50"	F-48-75-A
huổi Nương	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 55' 06"	103° 06' 49"	20° 55' 10"	103° 07' 27"	F-48-75-A
pu Pá Khôm	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 39"	103° 04' 26"					F-48-75-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Pao	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 57' 37"	103° 10' 30"					F-48-75-A
pu Pha Khun	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 56' 45"	103° 05' 28"					F-48-75-A
huổi Phơng	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 57' 00"	103° 05' 19"	20° 58' 32"	103° 10' 10"	F-48-75-A
bản Pu Lau	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	21° 02' 07"	103° 07' 08"					F-48-63-C
huổi Rôm	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			20° 59' 52"	103° 10' 21"	20° 59' 05"	103° 09' 08"	F-48-75-A
pu Tăng	SV	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 57' 49"	103° 05' 39"					F-48-75-A
huổi Xẻ	TV	xã Phu Luông	H. Điện Biên			21° 01' 56"	103° 07' 04"	20° 59' 27"	103° 08' 35"	F-48-63-C F-48-75-A
bản Xẻ 1	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 09"	103° 09' 01"					F-48-75-A
bản Xẻ 2	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 15"	103° 09' 07"					F-48-75-A
bản Xôm	DC	xã Phu Luông	H. Điện Biên	20° 59' 38"	103° 08' 26"					F-48-75-A
bản Na Có	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 33"	102° 59' 19"					F-48-62-B
bản Na Hai	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 54"	102° 57' 43"					F-48-62-B
bản Na Ten	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 24"	102° 59' 50"					F-48-62-B
bản Na Thìn	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 35"	102° 58' 50"					F-48-62-B
sông Nậm Núa	TV	xã Pom Lót	H. Điện Biên			21° 17' 06"	102° 59' 51"	21° 17' 19"	102° 56' 39"	F-48-62-B
bản Pa Nậm	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 46"	102° 59' 46"					F-48-62-B
cầu Pa Nậm	KX	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 16' 46"	102° 59' 52"					F-48-63-A
bản Pom Lót	DC	xã Pom Lót	H. Điện Biên	21° 17' 18"	103° 00' 30"					F-48-63-A
quốc lộ 279	KX	xã Sam Mứn	H. Điện Biên			21° 18' 06"	103° 00' 31"	21° 16' 28"	102° 56' 36"	F-48-63-A
bản Cang	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 16' 33"	103° 01' 34"					F-48-63-A
bản Co My	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 16' 03"	103° 01' 47"					F-48-63-A
bản Đon Đứa	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 02"	103° 01' 31"					F-48-63-A
hồ Hồng Sạt	TV	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 31"	103° 02' 01"					F-48-63-A
bản Loọng Bon	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 18' 15"	103° 01' 46"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Núa	TV	xã Sam Mứn	H. Điện Biên			21° 16' 06"	103° 02' 10"	21° 17' 06"	102° 59' 51"	F-48-63-A
bản Sam Mứn	DC	xã Sam Mứn	H. Điện Biên	21° 17' 45"	103° 01' 34"					F-48-63-A
đội 9	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 41"	103° 01' 41"					F-48-63-A
bản Chiềng An	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 38"	103° 01' 23"					F-48-63-A
bản Chiềng Chung	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 58"	103° 01' 37"					F-48-63-A
bản Co Trai	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 47"	103° 01' 35"					F-48-63-A
thôn Đông Biên	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 07"	103° 01' 31"					F-48-63-A
thôn Hoàng Công Chất	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 16"	103° 00' 20"					F-48-63-A
huổi Hồng Khoong	TV	xã Thanh An	H. Điện Biên			21° 20' 28"	103° 01' 18"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
bản Huổi Cánh	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 27"	103° 01' 49"					F-48-63-A
bản Sáng	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 20' 23"	103° 01' 43"					F-48-63-A
bản Ten Luống	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 38"	103° 02' 02"					F-48-63-A
bản Xôm	DC	xã Thanh An	H. Điện Biên	21° 19' 31"	103° 00' 14"					F-48-63-A
đội 10	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 11"	102° 59' 44"					F-48-62-B
đội 11	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 54"	102° 59' 08"					F-48-62-B
quốc lộ 12	KX	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên			21° 21' 52"	102° 59' 51"	21° 21' 01"	102° 59' 43"	F-48-62-B
đội 17	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 22' 13"	102° 58' 21"					F-48-62-B
huổi Cưởm	TV	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên			21° 21' 51"	102° 57' 15"	21° 21' 56"	102° 58' 54"	F-48-62-B
huổi Hong Lếch	TV	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên			21° 22' 49"	102° 55' 32"	21° 21' 18"	102° 59' 54"	F-48-62-B
bản Hoong Lếch Cang	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 37"	102° 58' 23"					F-48-62-B
bản Na Khưa	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 53"	102° 58' 42"					F-48-62-B
bản Pa Lếch	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 47"	102° 58' 26"					F-48-62-B
bản Phai Đin	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 30"	102° 59' 46"					F-48-62-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Việt Thanh	DC	xã Thanh Chăn	H. Điện Biên	21° 21' 22"	102° 59' 00"					F-48-62-B
quốc lộ 12	KX	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 44"	103° 00' 25"	21° 21' 52"	102° 59' 51"	F-48-62-B
bản An Bình	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 23' 01"	102° 58' 32"					F-48-62-B
bản Bó	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 40"	102° 58' 52"					F-48-62-B
huổi Hong Khếnh	TV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 23' 19"	102° 55' 53"	21° 23' 08"	102° 57' 48"	F-48-62-B
huổi Hong Lếch	TV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên			21° 22' 57"	102° 54' 02"	21° 21' 57"	102° 59' 10"	F-48-62-B
bản Lếch Quông	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 42"	102° 58' 07"					F-48-62-B
bản Mé	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 12"	102° 59' 06"					F-48-62-B
bản Nà Khếnh	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 43"	102° 59' 36"					F-48-62-B
núi Ná Uôn	SV	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 23' 26"	102° 54' 22"					F-48-62-B
bản Noong Pết	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 56"	102° 58' 57"					F-48-62-B
bản Pa Pe	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 11"	103° 00' 07"					F-48-63-A
bản Thanh Bình	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 26"	102° 59' 10"					F-48-62-B
bản Thanh Xuân	DC	xã Thanh Hưng	H. Điện Biên	21° 22' 36"	103° 00' 22"					F-48-63-A
đội 16	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 09"	102° 59' 21"					F-48-62-B
Đồn Biên phòng 423	KX	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 09"	102° 56' 19"					F-48-62-B
đội 13A	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 05"	102° 58' 46"					F-48-62-B
đội 13B	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 14"	102° 58' 41"					F-48-62-B
bản Bánh	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 18"	102° 59' 12"					F-48-62-B
đội C1	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 32"	102° 59' 00"					F-48-62-B
bản Cang Ná	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 10"	102° 59' 09"					F-48-62-B
thôn Cộng Hòa	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 20"	102° 59' 48"					F-48-62-B
bản Hua Pe	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 27"	102° 58' 18"					F-48-62-B
bản Lé	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 20"	102° 59' 21"					F-48-62-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Lọng Gia	TV	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 25"	102° 58' 12"					F-48-62-B
bản Loọng Toóng	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 56"	102° 58' 19"					F-48-62-B
bản Món	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 56"	102° 58' 53"					F-48-62-B
bản Nghịu	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 23"	102° 58' 17"					F-48-62-B
bản Nỏng	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 04"	102° 59' 16"					F-48-62-B
nặm Pe	TV	xã Thanh Luông	H. Điện Biên			21° 25' 25"	102° 56' 06"	21° 24' 21"	102° 57' 18"	F-48-62-B
bản Pe Luông	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 23' 39"	102° 59' 00"					F-48-62-B
hồ Pe Luông	TV	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 17"	102° 57' 43"					F-48-62-B
bản Pe Nọi	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 24' 07"	102° 58' 52"					F-48-62-B
thôn Thanh Đông	DC	xã Thanh Luông	H. Điện Biên	21° 22' 57"	103° 00' 04"					F-48-63-A
hồ Bèo	TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 24' 45"	103° 01' 07"					F-48-62-B
bản Co Ké	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 00"	103° 00' 49"					F-48-63-A
bản Co Pao	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 39"	102° 59' 44"					F-48-62-B
bản Co Rốm	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 50"	102° 59' 17"					F-48-62-B
bản Giảng	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 09"	103° 00' 53"					F-48-63-A
bản Hạ	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 10"	102° 59' 42"					F-48-62-B
pu Hong Hẹt	SV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 26' 00"	102° 59' 04"					F-48-62-B
bản Hồng Lạnh	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 57"	102° 59' 39"					F-48-62-B
huổi Hồng Lạnh	TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 26' 15"	102° 57' 58"	21° 25' 32"	103° 00' 29"	F-48-62-B
bản Hua Ná	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 26' 19"	103° 00' 12"					F-48-63-A
bản Mển	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 26' 01"	103° 00' 21"					F-48-63-A
bản Nà Lốm	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 19"	103° 00' 40"					F-48-63-A
bản On	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 21"	102° 59' 43"					F-48-62-B
bản Phiêng Ban	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 19"	102° 59' 26"					F-48-62-B
bản Pom Khoang	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 47"	103° 00' 32"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 31"	103° 00' 16"					F-48-63-A
huổi Thẳm Phẳng	TV	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên			21° 25' 53"	102° 57' 18"	21° 24' 52"	102° 59' 30"	F-48-62-B
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 35"	102° 59' 21"					F-48-62-B
bản Tông Khao	DC	xã Thanh Nưa	H. Điện Biên	21° 25' 49"	103° 00' 12"					F-48-63-A
đội 1	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 22' 05"	103° 01' 29"					F-48-63-A
đội 2	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 40"	103° 01' 28"					F-48-63-A
đội 3	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 57"	103° 00' 30"					F-48-63-A
đội 5	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 28"	103° 00' 19"					F-48-63-A
đội 6	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 15"	103° 00' 28"					F-48-63-A
đội 7	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 06"	103° 01' 23"					F-48-63-A
đội 8	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 22"	103° 01' 31"					F-48-63-A
đội 10	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 59"	103° 01' 36"					F-48-63-A
đội 11	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 12"	103° 01' 04"					F-48-63-A
đội 12	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 56"	103° 01' 38"					F-48-63-A
đội 13	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 24"	103° 02' 23"					F-48-63-A
đội 14	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 12"	103° 02' 04"					F-48-63-A
đội 15	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 45"	103° 01' 05"					F-48-63-A
đội 16	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 53"	103° 01' 18"					F-48-63-A
đội 4A	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 54"	103° 00' 27"					F-48-63-A
đội 4B	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 21' 55"	103° 00' 19"					F-48-63-A
đội C9A	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 40"	103° 00' 17"					F-48-63-A
đội C9B	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 34"	103° 00' 18"					F-48-63-A
đội C9C	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 25"	103° 00' 15"					F-48-63-A
đội Chăn Nuôi 2	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 44"	103° 01' 10"					F-48-63-A
đội Hồng Cúm	DC	xã Thanh Xương	H. Điện Biên	21° 20' 21"	103° 00' 18"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Hong Khoong	TV	xã Thanh Xương	H. Điện Biên			21° 20' 28"	103° 01' 18"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
sông Nậm Rốm	TV	xã Thanh Xương	H. Điện Biên			21° 21' 58"	103° 00' 11"	21° 20' 00"	103° 00' 30"	F-48-63-A
đội 17	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 41"	102° 58' 32"					F-48-62-B
bản Bánh	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 59"	102° 58' 06"					F-48-62-B
bản Bói	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 23"	102° 57' 59"					F-48-62-B
bản Hạ	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 57"	102° 58' 12"					F-48-62-B
bản Hoàng Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 37"	102° 58' 27"					F-48-62-B
bản Na Ngum	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 21' 07"	102° 58' 18"					F-48-62-B
sông Nậm Rốm	TV	xã Thanh Yên	H. Điện Biên			21° 21' 06"	102° 59' 59"	21° 19' 03"	102° 59' 49"	F-48-63-A
bản Pá Pháy	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 25"	102° 59' 59"					F-48-63-A
bản Phú Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 58"	102° 58' 30"					F-48-62-B
bản Thanh Trường	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 25"	102° 59' 24"					F-48-62-B
bản Tiến Thanh	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 40"	102° 59' 19"					F-48-62-B
bản Trường Đông	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 33"	102° 58' 21"					F-48-62-B
bản Việt Yên	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 43"	102° 59' 10"					F-48-62-B
bản Yên Bình	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 45"	102° 59' 19"					F-48-62-B
bản Yên Sơn	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 20' 40"	102° 58' 05"					F-48-62-B
bản Yên Trường	DC	xã Thanh Yên	H. Điện Biên	21° 19' 49"	103° 00' 06"					F-48-63-A
tổ Na Son 1	DC	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 17' 54"	103° 13' 43"					F-48-63-A
tổ Na Son 2	DC	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 05"	103° 13' 43"					F-48-63-A
tổ Na Son 3	DC	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 23"	103° 13' 37"					F-48-63-A
tổ Na Son 4	DC	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 17"	103° 13' 32"					F-48-63-A
tổ Na Son 5	DC	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	21° 18' 06"	103° 13' 19"					F-48-63-A
suối Pha Phởng	TV	TT. Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông			21° 17' 39"	103° 11' 29"	21° 18' 15"	103° 13' 34"	F-48-63-A
bản Cang A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 38"	103° 23' 03"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cang B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 38"	103° 23' 11"					F-48-63-B
pu Háng Dụa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 27"	103° 24' 59"					F-48-63-B
pu Háng Dứa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 05"	103° 23' 40"					F-48-63-B
bản Háng Pa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 30"	103° 24' 44"					F-48-63-B
pu Háng Pa	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 05"	103° 26' 14"					F-48-63-B
bản Háng Tầu	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 33"	103° 21' 49"					F-48-63-B
bản Huổi Hịa A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 22"	103° 23' 42"					F-48-63-B
bản Huổi Hịa B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 56"	103° 23' 45"					F-48-63-B
pu Huổi Vì	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 27"	103° 23' 20"					F-48-63-B
pu Huốt	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 19"	103° 25' 50"					F-48-63-B
bản Kéo	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 49"	103° 24' 43"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông			21° 15' 42"	103° 23' 29"	21° 18' 38"	103° 25' 49"	F-48-63-B
bản Ná Muông	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 09"	103° 22' 03"					F-48-63-B
bản Nậm Mắn A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 24' 08"					F-48-63-B
bản Nậm Mắn B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 17"	103° 23' 55"					F-48-63-B
bản Pá Nậm A	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 01"	103° 24' 29"					F-48-63-B
bản Pá Nậm B	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 55"	103° 24' 32"					F-48-63-B
dãy Pu Ca	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 49"	103° 25' 10"					F-48-63-B
bản Ten Luống	DC	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 21"	103° 21' 30"					F-48-63-B
pu Tư Làng	SV	xã Chiềng Sơ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 47"	103° 22' 47"					F-48-63-B
bản Chống Dình	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 10' 36"	103° 19' 52"					F-48-63-D
bản Háng Lìa A	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 12"	103° 20' 32"					F-48-63-D
bản Háng Lìa B	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 25"	103° 20' 33"					F-48-63-D
bản Huổi Sông	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 10' 40"	103° 18' 58"					F-48-63-D
bản Huổi Va A	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 12' 13"	103° 18' 23"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Va B	DC	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 24"	103° 17' 27"					F-48-63-D
sông Mã	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 07' 58"	103° 16' 30"	21° 13' 46"	103° 18' 15"	F-48-63-D
suối Na Hay	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 07' 29"	103° 17' 45"	21° 07' 58"	103° 16' 31"	F-48-63-D
huổi Sông	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 09' 27"	103° 18' 27"	21° 09' 30"	103° 16' 52"	F-48-63-D
huổi Ta	TV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông			21° 09' 52"	103° 21' 36"	21° 10' 20"	103° 17' 01"	F-48-63-D
núi Trông Sia	SV	xã Háng Lìa	H. Điện Biên Đông	21° 11' 37"	103° 20' 08"					F-48-63-D
bản Chóp Ly	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 25"	103° 11' 43"					F-48-63-A
núi Háng Lia	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 09"	103° 08' 15"					F-48-63-C
bản Háng Lia 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 55"	103° 07' 45"					F-48-63-C
bản Háng Lia 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 11' 51"	103° 07' 51"					F-48-63-C
suối Huổi Há	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 01"	103° 11' 56"	21° 14' 51"	103° 14' 13"	F-48-63-A
bản Huổi Hoa A1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 52"	103° 06' 19"					F-48-63-C
bản Huổi Hoa A2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 12"	103° 05' 42"					F-48-63-C
bản Huổi Múa A	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 59"	103° 08' 39"					F-48-63-C
bản Huổi Múa B	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 06"	103° 08' 20"					F-48-63-A
bản Huổi Múa C	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 10"	103° 08' 50"					F-48-63-A
suối Huổi Xa	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 11' 03"	103° 09' 44"	21° 12' 53"	103° 11' 14"	F-48-63-C
bản Huổi Xa 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 12' 41"	103° 11' 42"					F-48-63-C
bản Huổi Xa 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 12' 29"	103° 11' 34"					F-48-63-C
đèo Keo Lôm	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 44"	103° 11' 35"					F-48-63-A
núi Keo Lôm	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 17' 04"	103° 09' 44"					F-48-63-A
bản Keo Lôm 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 52"	103° 11' 03"					F-48-63-A
bản Keo Lôm 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 45"	103° 11' 33"					F-48-63-A
bản Keo Lôm 3	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 59"	103° 11' 02"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lư	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 44"	103° 15' 13"	21° 13' 19"	103° 13' 29"	F-48-63-A
huổi Múa	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 16' 26"	103° 10' 37"	21° 15' 05"	103° 08' 08"	F-48-63-A
huổi Phì Sua	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 13' 12"	103° 08' 17"	21° 13' 36"	103° 10' 13"	F-48-63-C
suối Sam Măn	TV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông			21° 15' 04"	103° 10' 06"	21° 13' 19"	103° 13' 29"	F-48-63-C
bản Sam Măn A	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 47"	103° 10' 11"					F-48-63-C
bản Sam Măn B	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 31"	103° 10' 15"					F-48-63-C
núi Suối Lư	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 59"	103° 14' 57"					F-48-63-A
bản Suối Lư 1	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 23"	103° 15' 07"					F-48-63-B
bản Suối Lư 2	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 18"	103° 15' 13"					F-48-63-B
bản Suối Lư 3	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 21"	103° 14' 56"					F-48-63-A
bản Tìa Ghếnh A	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 20"	103° 09' 13"					F-48-63-A
bản Tìa Ghếnh B	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 52"	103° 09' 16"					F-48-63-A
bản Tìa Ghếnh C	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 15' 34"	103° 09' 36"					F-48-63-A
bản Trại Bò	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 11"	103° 14' 10"					F-48-63-A
bản Trung Sua	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 13' 56"	103° 08' 03"					F-48-63-C
bản Từ Xa	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 22"	103° 08' 54"					F-48-63-C
núi Từ Xa	SV	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 14' 49"	103° 09' 10"					F-48-63-C
bản Xi Cơ	DC	xã Keo Lôm	H. Điện Biên Đông	21° 16' 37"	103° 10' 26"					F-48-63-A
bản Che Phai	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 47"	103° 23' 26"					F-48-63-D
bản Giới A	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 55"	103° 23' 48"					F-48-63-D
bản Giới B	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 52"	103° 23' 53"					F-48-63-D
núi Huốt	SV	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 21"	103° 23' 44"					F-48-63-D
bản Lại Trên	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 46"	103° 24' 35"					F-48-63-D
nậm Mặm	TV	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông			21° 11' 32"	103° 25' 23"	21° 14' 46"	103° 23' 24"	F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Na Ản	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 13' 12"	103° 23' 32"					F-48-63-D
bản Ná Lại	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 14' 03"	103° 24' 11"					F-48-63-D
bản Na Ngua	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 19"	103° 25' 04"					F-48-63-D
bản Pá Khôm	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 21"	103° 24' 22"					F-48-63-D
bản Phiêng Muông	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 12' 36"	103° 23' 56"					F-48-63-D
bản Yên	DC	xã Luân Giới	H. Điện Biên Đông	21° 14' 12"	103° 23' 18"					F-48-63-D
bản Bánh	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 12"	103° 21' 14"					F-48-63-B
núi Bó Xiếng	SV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 54"	103° 22' 18"					F-48-63-B
bản Háng Tây	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 49"	103° 18' 43"					F-48-63-D
pu Hao	SV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 45"	103° 22' 36"					F-48-63-D
bản Huổi Tống A	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 32"	103° 19' 47"					F-48-63-D
bản Huổi Tống B	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 12' 42"	103° 20' 14"					F-48-63-D
sông Mã	TV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông			21° 14' 41"	103° 19' 36"	21° 15' 42"	103° 23' 29"	F-48-63-B, F-48-63-D
bản Mường Luân 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 10"	103° 22' 21"					F-48-63-B
bản Mường Luân 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 17"	103° 22' 14"					F-48-63-B
bản Na Hát	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 47"	103° 21' 08"					F-48-63-B
bản Na Pục	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 45"	103° 20' 28"					F-48-63-D
bản Na Sản 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 38"	103° 20' 32"					F-48-63-B
bản Na Sản 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 54"	103° 20' 47"					F-48-63-B
bản Na Ten	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 20' 38"					F-48-63-B
bản Pá Pao 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 41"	103° 21' 47"					F-48-63-D
bản Pá Pao 2	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 13' 57"	103° 21' 54"					F-48-63-D
bản Pá Vạt 1	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 19"	103° 19' 03"					F-48-63-D
bản Tạng Áng	DC	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 14' 33"	103° 19' 51"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thà Là	SV	xã Mường Luân	H. Điện Biên Đông	21° 16' 17"	103° 19' 50"					F-48-63-B
bản Bó	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 23' 25"	103° 14' 32"					F-48-63-A
huổi Chứn	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 18' 59"	103° 11' 50"	21° 19' 55"	103° 14' 18"	F-48-63-A
bản Ho Cớ	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 20' 17"	103° 11' 57"					F-48-63-A
suối Huổi Dên	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 22' 08"	103° 12' 55"	21° 22' 17"	103° 14' 14"	F-48-63-A
núi Huổi É	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 23' 40"	103° 13' 55"					F-48-63-A
suối Lanh	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 25' 12"	103° 14' 07"	21° 24' 06"	103° 14' 41"	F-48-63-A
suối Lọng Chuông	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 21' 00"	103° 11' 41"	21° 21' 08"	103° 14' 14"	F-48-63-A
bản Loọng Chuông B	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 20' 53"	103° 12' 33"					F-48-63-A
suối Lư	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 24' 12"	103° 13' 17"	21° 18' 12"	103° 15' 03"	F-48-63-A
suối Măng Đắng	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 19' 02"	103° 15' 20"	21° 18' 39"	103° 14' 45"	F-48-63-B
bản Na Phát A	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 19' 38"	103° 14' 15"					F-48-63-A
bản Na Phát B	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 19' 33"	103° 14' 22"					F-48-63-A
bản Na Phát C	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 19' 10"	103° 14' 19"					F-48-63-A
huổi Nhóng	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 20' 19"	103° 15' 04"	21° 19' 55"	103° 14' 18"	F-48-63-A
bản Pa Chuông Pá Dên	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 21' 18"	103° 14' 10"					F-48-63-A
núi Pha Khoang	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 30"	103° 14' 32"					F-48-63-A
bản Sư Lư 1	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 28"	103° 14' 31"					F-48-63-A
bản Sư Lư 2	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 20"	103° 14' 17"					F-48-63-A
bản Sư Lư 3	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 20"	103° 14' 00"					F-48-63-A
bản Sư Lư 4	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 16"	103° 14' 06"					F-48-63-A
bản Sư Lư 5	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 24' 04"	103° 13' 57"					F-48-63-A
núi Tát Mạ	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 23' 06"	103° 14' 04"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tát Mạ	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 23' 30"	103° 13' 36"	21° 23' 09"	103° 14' 19"	F-48-63-A
pu Trang	SV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 23' 38"	103° 13' 16"					F-48-63-A
bản Trung Phu	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 18' 58"	103° 11' 01"					F-48-63-A
bản Văng Chộc	DC	xã Na Son	H. Điện Biên Đông	21° 18' 36"	103° 14' 49"					F-48-63-A
suối Xa Dung	TV	xã Na Son	H. Điện Biên Đông			21° 22' 34"	103° 14' 49"	21° 22' 19"	103° 14' 16"	F-48-63-A
núi Chế Lừ	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 20' 29"	103° 05' 04"					F-48-63-A
núi Dọ Dua	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 19' 42"	103° 10' 04"					F-48-63-A
bản Dư O A	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 54"	103° 08' 08"					F-48-63-A
bản Dư O B	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 58"	103° 08' 16"					F-48-63-A
suối Há Chua	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 18' 30"	103° 09' 05"	21° 17' 45"	103° 07' 41"	F-48-63-A
pu Hồng Mèo	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 04"	103° 05' 22"					F-48-63-A
nậm Ngám	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông			21° 21' 13"	103° 07' 37"	21° 16' 34"	103° 07' 01"	F-48-63-A
bản Pá Ban	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 33"	103° 07' 06"					F-48-63-A
hồ Pà Giàng	TV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 17' 49"	103° 09' 54"					F-48-63-A
núi Phù Lồng	SV	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 20' 07"	103° 08' 47"					F-48-63-A
bản Tà Té A	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 30"	103° 05' 35"					F-48-63-A
bản Tà Té B	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 44"	103° 05' 42"					F-48-63-A
bản Tà Té C	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 50"	103° 05' 29"					F-48-63-A
bản Tà Té D	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 18' 39"	103° 05' 47"					F-48-63-A
bản Thanh Ngám	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 17' 13"	103° 07' 29"					F-48-63-A
bản Tìa Ló A	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 19' 12"	103° 10' 14"					F-48-63-A
bản Tìa Ló B	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 19' 00"	103° 10' 14"					F-48-63-A
bản Tìa Mùng A	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 17' 28"	103° 09' 05"					F-48-63-A
bản Tìa Mùng B	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 17' 55"	103° 09' 33"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tìa Mùng C	DC	xã Nong U	H. Điện Biên Đông	21° 17' 33"	103° 09' 14"					F-48-63-A
núi Chí Khớ	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 01"	103° 17' 05"					F-48-63-B
suối Chờ Chua	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 19' 12"	103° 17' 52"	21° 19' 09"	103° 16' 33"	F-48-63-B
bản Chống Giông 1	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 20' 04"	103° 17' 21"					F-48-63-B
bản Chống Giông 2	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 49"	103° 17' 27"					F-48-63-B
bản Chống Mông	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 10"	103° 16' 35"					F-48-63-B
suối Chống Sư	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 15' 05"	103° 16' 35"	21° 13' 16"	103° 17' 27"	F-48-63-D
bản Chống Sư A	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 13' 51"	103° 16' 20"					F-48-63-D
bản Chống Sư A	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 53"	103° 16' 22"					F-48-63-D
bản Chống Sư B	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 23"	103° 15' 53"					F-48-63-D
núi Chua Say	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 03"	103° 19' 01"					F-48-63-B
suối Chua Say	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 18' 14"	103° 18' 10"	21° 17' 31"	103° 17' 22"	F-48-63-B
suối Chua Ta	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 31"	103° 17' 22"	21° 14' 30"	103° 18' 48"	F-48-63-B
bản Chua Ta A	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 45"	103° 17' 10"					F-48-63-B
bản Chua Ta B	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 58"	103° 17' 05"					F-48-63-B
bản Cồ Dề A	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 38"	103° 18' 50"					F-48-63-B
bản Cồ Dề B	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 30"	103° 19' 05"					F-48-63-B
suối Đề Tro	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 25"	103° 16' 22"	21° 17' 48"	103° 15' 30"	F-48-63-B
núi Há Giống	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 51"	103° 17' 50"					F-48-63-B
bản Háng Pù Xi	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 20"	103° 16' 39"					F-48-63-B
suối Háng Sông	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 20' 03"	103° 19' 06"	21° 20' 42"	103° 19' 57"	F-48-63-B
bản Háng Sông Dưới	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 46"	103° 19' 39"					F-48-63-B
bản Háng Sông Trên	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 49"	103° 18' 24"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Háng Trở	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 51"	103° 19' 13"					F-48-63-B
suối Hun	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 21' 01"	103° 17' 11"	21° 20' 19"	103° 16' 42"	F-48-63-B
suối Huổi Lê	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 19' 09"	103° 16' 33"	21° 17' 38"	103° 15' 21"	F-48-63-B
suối Lư	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 17' 38"	103° 15' 21"	21° 12' 43"	103° 16' 41"	F-48-63-B, F-48-63-D
núi Lu Cở	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 46"	103° 18' 35"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 12' 43"	103° 16' 41"	21° 14' 41"	103° 19' 36"	F-48-63-D
núi Măng Đắng	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 40"	103° 15' 22"					F-48-63-B
bản Na Nghịu	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 29"	103° 18' 39"					F-48-63-D
bản Phì Nhừ A	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 39"	103° 17' 28"					F-48-63-B
bản Phì Nhừ B	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 16' 47"	103° 17' 15"					F-48-63-B
núi Pó Sinh	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 18' 52"	103° 19' 12"					F-48-63-B
bản Pó Sinh 1	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 17' 56"	103° 20' 32"					F-48-63-B
núi Pu Chan	SV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 13' 56"	103° 15' 08"					F-48-63-D
suối Pu Si	TV	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông			21° 16' 43"	103° 16' 35"	21° 16' 18"	103° 15' 34"	F-48-63-B
bản Suối Lư	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 13"	103° 15' 05"					F-48-63-B
bản Tào Xa 1	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 20' 14"	103° 16' 09"					F-48-63-B
bản Tào Xa 2	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 19' 57"	103° 16' 13"					F-48-63-B
bản Từ Xa 1	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 15' 07"	103° 17' 09"					F-48-63-B
bản Từ Xa 2	DC	xã Phì Nhừ	H. Điện Biên Đông	21° 14' 49"	103° 16' 45"					F-48-63-D
bản Cảnh Lay	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 12' 29"	103° 15' 45"					F-48-63-D
suối Chua Ta	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 09' 30"	103° 10' 45"	21° 08' 28"	103° 12' 37"	F-48-63-C
huổi Háng Dua Se	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 10' 23"	103° 15' 25"	21° 10' 45"	103° 16' 28"	F-48-63-D
bản Huổi Có	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 12' 27"	103° 14' 57"					F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Có	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 10' 28"	103° 12' 21"	21° 10' 42"	103° 13' 29"	F-48-63-C
bản Huổi Dụa	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 08' 36"	103° 14' 51"					F-48-63-C
suối Huổi Dụa	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 08' 42"	103° 13' 11"	21° 08' 21"	103° 15' 12"	F-48-63-C
suối Lư	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 13' 19"	103° 13' 29"	21° 12' 43"	103° 16' 41"	F-48-63-D, F-48-63-C
suối Nà Nén	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 08' 21"	103° 15' 12"	21° 08' 32"	103° 16' 21"	F-48-63-D
bản Pa Cá	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 09' 27"	103° 14' 05"					F-48-63-C
bản Phì Cao	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 08' 43"	103° 11' 21"					F-48-63-C
bản Phì Sua A	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 15"	103° 09' 45"					F-48-63-C
bản Phì Sua B	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 06"	103° 09' 36"					F-48-63-C
huổi Xa	TV	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông			21° 09' 56"	103° 07' 43"	21° 10' 27"	103° 08' 46"	F-48-63-C
bản Xa Vua A	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 10' 18"	103° 14' 50"					F-48-63-C
bản Xa Vua B	DC	xã Phình Giàng	H. Điện Biên Đông	21° 09' 51"	103° 14' 32"					F-48-63-C
bản Chả A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 32"	103° 10' 42"					F-48-63-C
bản Chả B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 03' 57"	103° 10' 13"					F-48-63-C
huổi Dên	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 03' 41"	103° 12' 41"	21° 03' 31"	103° 11' 55"	F-48-63-C
bản Huổi Dên	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 02' 57"	103° 11' 27"					F-48-63-C
huổi Lếnh	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 04' 266"	103° 15' 31"	21° 04' 28"	103° 16' 57"	F-48-63-D
huổi Lừ Pa	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 07' 23"	103° 14' 22"	21° 07' 42"	103° 14' 40"	F-48-63-C
sông Mã	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 02' 30"	103° 16' 46"	21° 07' 51"	103° 16' 14"	F-48-63-D
suối Nà Nếch	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 06' 30"	103° 14' 04"	21° 07' 23"	103° 14' 22"	F-48-63-C
bản Nà Nếnh A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 06' 12"	103° 14' 00"					F-48-63-C
bản Nà Nếnh B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 06' 36"	103° 14' 52"					F-48-63-C
bản Nậm Ma	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 04"	103° 16' 58"					F-48-63-D
huổi Păn	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 03' 48"	103° 09' 52"	21° 04' 39"	103° 10' 44"	F-48-63-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phiêng Muông A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 32"	103° 11' 14"					F-48-63-C
bản Phiêng Muông B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 20"	103° 11' 11"					F-48-63-C
núi Pú Hồng	SV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 15"	103° 13' 37"					F-48-63-C
bản Pú Hồng A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 16"	103° 14' 06"					F-48-63-C
bản Pú Hồng B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 04' 08"	103° 14' 05"					F-48-63-C
huổi Púng	TV	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông			21° 05' 45"	103° 09' 53"	21° 04' 35"	103° 10' 37"	F-48-63-C
bản Tin Tốc A	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 33"	103° 13' 06"					F-48-63-C
bản Tin Tốc B	DC	xã Pú Hồng	H. Điện Biên Đông	21° 05' 36"	103° 12' 14"					F-48-63-C
núi Chông Chùa	SV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 24' 01"	103° 08' 48"					F-48-63-A
bản Háng Giống	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 11' 32"					F-48-63-A
bản Háng Trợ A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 46"	103° 07' 44"					F-48-63-A
bản Háng Trợ B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 39"	103° 07' 46"					F-48-63-A
bản Háng Trợ C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 24"	103° 07' 44"					F-48-63-A
bản Huổi Tao A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 21' 43"	103° 05' 27"					F-48-63-A
bản Huổi Tao B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 42"	103° 05' 03"					F-48-63-A
bản Huổi Tao C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 21' 50"	103° 05' 29"					F-48-63-A
suối Lọng Chuông	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông			21° 21' 09"	103° 11' 11"	21° 21' 00"	103° 11' 41"	F-48-63-A
bản Nậm Bó	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 52"	103° 06' 02"					F-48-63-A
suối Nậm Ngám	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông			21° 23' 07"	103° 08' 35"	21° 17' 45"	103° 07' 41"	F-48-63-A
bản Nậm Ngám A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 48"	103° 07' 49"					F-48-63-A
bản Nậm Ngám B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 23"	103° 08' 25"					F-48-63-A
bản Nậm Ngám C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 21"	103° 07' 30"					F-48-63-A
bản Phù Lồng A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 26"	103° 09' 48"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phù Lồng B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 29"	103° 09' 30"					F-48-63-A
bản Phù Lồng C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 20' 19"	103° 10' 04"					F-48-63-A
bản Pu Nhi A	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 02"	103° 11' 15"					F-48-63-A
bản Pu Nhi B	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 22' 56"	103° 11' 21"					F-48-63-A
bản Pu Nhi C	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 10"	103° 11' 14"					F-48-63-A
bản Pu Nhi D	DC	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 14"	103° 11' 27"					F-48-63-A
huổi Tao	TV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông			21° 22' 02"	103° 05' 38"	21° 20' 32"	103° 06' 49"	F-48-63-A
núi Tát Long	SV	xã Pu Nhi	H. Điện Biên Đông	21° 23' 20"	103° 11' 52"					F-48-63-A
bản Chua Ta A	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 06' 50"	103° 19' 57"					F-48-63-D
bản Chua Ta B	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 06' 55"	103° 20' 22"					F-48-63-D
bản Háng Xua A	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 04' 43"	103° 22' 03"					F-48-63-D
bản Háng Xua B	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 04' 35"	103° 22' 15"					F-48-63-D
suối Huổi Mí	TV	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông			21° 05' 47"	103° 18' 42"	21° 06' 30"	103° 16' 21"	F-48-63-D
bản La Hay A	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 06' 10"	103° 21' 03"					F-48-63-D
bản La Hay B	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 06' 16"	103° 20' 59"					F-48-63-D
suối Na Hay	TV	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông			21° 06' 25"	103° 20' 58"	21° 07' 26"	103° 18' 27"	F-48-63-D
bản Na Xu	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 06' 29"	103° 16' 24"					F-48-63-D
bản Pha Mớ	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông			21° 08' 56"	103° 22' 33"	21° 07' 26"	103° 18' 27"	F-48-63-D
bản Púng Báng	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 04' 53"	103° 24' 04"					F-48-63-D
bản Tào La A	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 09' 31"	103° 23' 30"					F-48-63-D
bản Tào La B	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 09' 35"	103° 23' 31"					F-48-63-D
bản Tìa Dình A	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 32"	103° 31' 07"					F-48-63-D
bản Tìa Dình B	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 19"	103° 20' 42"					F-48-63-D
bản Tìa Dình C	DC	xã Tìa Dình	H. Điện Biên Đông	21° 07' 40"	103° 21' 06"					F-48-63-D
bản Ca Tâu	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 37"	103° 19' 06"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chóng A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 34"	103° 21' 44"					F-48-63-B
bản Chóng B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 30"	103° 22' 11"					F-48-63-B
núi Chùa Đá	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 23"	103° 16' 22"					F-48-63-B
suối Chùa Đá	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 23"	103° 16' 22"					F-48-63-B
bản Chua Thò	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 07"	103° 16' 29"					F-48-63-B
bản Háng Tầu	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 20' 38"	103° 21' 54"					F-48-63-B
bản Huổi Hịa	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 33"	103° 21' 18"					F-48-63-B
núi Huổi Khén	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 19' 43"					F-48-63-B
suối Huổi Khén	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 58"	103° 19' 43"					F-48-63-B
bản La Sản A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 42"	103° 17' 33"					F-48-63-B
bản La Sản B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 11"	103° 18' 55"					F-48-63-B
núi Mường Tỉnh	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 24"	103° 20' 25"					F-48-63-B
suối Mường Tỉnh	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 24"	103° 20' 25"					F-48-63-B
bản Mường Tỉnh A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 26"	103° 19' 19"					F-48-63-B
bản Mường Tỉnh B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 48"	103° 20' 03"					F-48-63-B
bản Mường Tỉnh C	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 37"	103° 20' 25"					F-48-63-B
núi Nà Sản	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 43"	103° 18' 19"					F-48-63-B
suối Nà Sản	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 43"	103° 18' 19"					F-48-63-B
núi Nông Co Pi	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 00"	103° 21' 59"					F-48-63-B
suối Nông Co Pi	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 00"	103° 21' 59"					F-48-63-B
núi Pa Có	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
suối Pa Có	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
núi Phà Só	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 34"	103° 18' 29"					F-48-63-B
suối Phà Só	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 34"	103° 18' 29"					F-48-63-B
bản Phà Só A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 37"	103° 19' 18"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phà Só B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 17"	103° 20' 08"					F-48-63-B
núi Pù Lếch	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 16"	103° 22' 22"					F-48-63-B
suối Pù Lếch	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 16"	103° 22' 22"					F-48-63-B
bản Thẩm Mý A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 56"	103° 15' 34"					F-48-63-B
bản Thẩm Mý B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 10"	103° 15' 31"					F-48-63-B
núi Thẩm Mý B	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 23"	103° 15' 55"					F-48-63-B
suối Thẩm Mý B	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 21' 23"	103° 15' 55"					F-48-63-B
núi Trang Hua	SV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 47"	103° 20' 56"					F-48-63-B
suối Trang Hua	TV	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 22' 47"	103° 20' 56"					F-48-63-B
bản Xa Dung A	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 01"	103° 15' 58"					F-48-63-B
bản Xa Dung B	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 24' 13"	103° 15' 54"					F-48-63-B
bản Xa Dung C	DC	xã Xa Dung	H. Điện Biên Đông	21° 23' 51"	103° 15' 59"					F-48-63-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 27"	103° 12' 24"					F-48-51-C
tổ dân phố 2	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 19"	103° 12' 10"					F-48-51-C
tổ dân phố 3	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 07"	103° 12' 34"					F-48-51-C
tổ dân phố 4	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 24"	103° 12' 46"					F-48-51-C
tổ dân phố 5	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 23"	103° 13' 01"					F-48-51-C
tổ dân phố 6	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 07"	103° 13' 05"					F-48-51-C
tổ dân phố 7	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 14"	103° 13' 25"					F-48-51-C
tổ dân phố 8	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 20"	103° 13' 32"					F-48-51-C
tổ dân phố 9	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 23"	103° 13' 41"					F-48-51-C
tổ dân phố 10	DC	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 32"	103° 13' 55"					F-48-51-C
núi Pha Hung	SV	TT. Mường Ảng	H. Mường Ảng	21° 31' 46"	103° 13' 21"					F-48-51-C
bản Bánh	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 48"	103° 13' 40"					F-48-63-A
bản Cói	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 25"	103° 13' 31"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pú Đốn	SV	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 12"	103° 12' 34"					F-48-51-C
bản Giảng	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 31' 06"	103° 14' 27"					F-48-51-C
bản Hong Sọt	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 11"	103° 15' 57"					F-48-51-D
bản Hua Ná	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 30"	103° 12' 52"					F-48-63-A
bản Hua Nặm	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 26' 41"	103° 11' 39"					F-48-63-A
bản Huổi Sứa	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 27"	103° 14' 14"					F-48-51-C
bản Kéo	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 02"	103° 13' 03"					F-48-51-C
bản Mánh Đanh	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 28' 35"	103° 12' 15"					F-48-63-A
bản Nong Háng	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 14' 19"					F-48-51-C
pú Pha Man	SV	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 28"	103° 15' 04"					F-48-51-D
bản Pú Khớ	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 27' 55"	103° 13' 37"					F-48-63-A
bản Pú Súa	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 35"	103° 16' 30"					F-48-63-B
bản Sáng	DC	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 30' 51"	103° 13' 30"					F-48-51-C
núi Tát Khoang	SV	xã Ẳng Cang	H. Mường Ảng	21° 29' 25"	103° 12' 02"					F-48-63-A
nặm Bó	TV	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng			21° 29' 57"	103° 10' 55"	21° 30' 42"	103° 12' 20"	F-48-51-C
bản Bó Mạy	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 42"	103° 12' 54"					F-48-51-C
bản Củ	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 28"	103° 12' 16"					F-48-51-C
bản Lé	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 47"	103° 12' 06"					F-48-51-C
bản Na Luông	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 12"	103° 11' 26"					F-48-51-C
núi Pha Lọm	SV	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 32' 01"	103° 11' 18"					F-48-51-C
bản Tát Hẹ	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 32' 21"	103° 12' 04"					F-48-51-C
bản Tin Tốc	DC	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng	21° 30' 53"	103° 11' 24"					F-48-51-C
nặm Tin Tốc	TV	xã Ẳng Nưa	H. Mường Ảng			21° 31' 16"	103° 10' 13"	21° 30' 42"	103° 12' 20"	F-48-51-C
quốc lộ 279	KX	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 31' 34"	103° 14' 07"	21° 33' 25"	103° 18' 02"	F-48-51-C, F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Ảng	TV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 31' 32"	103° 14' 11"	21° 33' 25"	103° 16' 09"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Bua	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 32' 35"	103° 15' 33"					F-48-51-D
huổi Cha	TV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 32' 36"	103° 13' 39"	21° 31' 56"	103° 14' 37"	F-48-51-C
bản Cha Cuông	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 32' 16"	103° 13' 40"					F-48-51-C
bản Cha Nọ	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 31' 52"	103° 14' 20"					F-48-51-C
huổi Châng	TV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 36' 19"	103° 16' 29"	21° 34' 43"	103° 15' 29"	F-48-51-D
nặm Cô	TV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 35' 35"	103° 14' 40"	21° 33' 27"	103° 18' 02"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Co Có	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 31' 34"	103° 14' 48"					F-48-51-C
nhóm Huổi Châng	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 35' 14"	103° 16' 53"					F-48-51-D
bản Huổi Chỏn	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 34' 28"	103° 14' 39"					F-48-51-C
bản Huổi Háo	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 36' 06"	103° 15' 52"					F-48-51-D
bản Huổi Hỏm	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 29"	103° 17' 03"					F-48-51-D
bản Pá Cha	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 32' 05"	103° 14' 38"					F-48-51-C
pu Pha Hung	SV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 31' 46"	103° 13' 21"					F-48-51-C
pom Pha Mi	SV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 34' 50"	103° 13' 58"					F-48-51-C
bản Pú Thồ Lộ	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 34' 36"	103° 16' 58"					F-48-51-D
bản Pú Tỉu	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 21"	103° 13' 27"					F-48-51-C
núi Pú Tỉu	SV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 18"	103° 13' 10"					F-48-51-C
huổi Tọ	TV	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng			21° 33' 42"	103° 13' 55"	21° 33' 40"	103° 15' 54"	F-48-51-C, F-48-51-D
bản Tọ Cuông	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 47"	103° 15' 14"					F-48-51-D
bản Tọ Nọ	DC	xã Ẳng Tở	H. Mường Ảng	21° 33' 43"	103° 15' 46"					F-48-51-D
bản Búng	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 30' 46"	103° 20' 03"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Cắm	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 31' 40"	103° 18' 25"	21° 32' 00"	103° 19' 18"	F-48-51-D
nặm Cô	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 33' 27"	103° 18' 02"	21° 30' 43"	103° 21' 14"	F-48-51-D
huổi Dên	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 30' 27"	103° 18' 16"	21° 31' 29"	103° 19' 47"	F-48-51-D
bản Hong Sọt	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 32' 47"	103° 18' 37"					F-48-51-D
suối Hong Sọt	TV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng			21° 30' 23"	103° 16' 34"	21° 32' 28"	103° 18' 57"	F-48-51-D
bản Huổi Cắm	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 18' 15"					F-48-51-D
bản Kéo Nánh	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 44"	103° 19' 12"					F-48-51-D
núi Kéo Nánh	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 53"	103° 19' 27"					F-48-51-D
bản Nà Dên	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 26"	103° 19' 47"					F-48-51-D
bản Pá Tong	DC	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 33' 04"	103° 18' 11"					F-48-51-D
núi Pha Ví	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 32' 44"	103° 17' 11"					F-48-51-D
núi Pọng Han	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 30' 33"	103° 20' 46"					F-48-51-D
núi Pưng Cô	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 31' 24"	103° 21' 03"					F-48-51-D
núi Thắm Quai	SV	xã Búng Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 34"	103° 21' 18"					F-48-63-B
nậm Chan	TV	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng			21° 35' 46"	103° 06' 53"	21° 35' 12"	103° 10' 10"	F-48-51-C
nậm Ngối	TV	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng			21° 36' 18"	103° 07' 57"	21° 35' 50"	103° 11' 16"	F-48-51-C
nậm Bản Thái	TV	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng			21° 32' 38"	103° 10' 54"	21° 33' 27"	103° 10' 25"	F-48-51-C
nậm Đăng	TV	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng			21° 33' 22"	103° 09' 27"	21° 33' 27"	103° 10' 25"	F-48-51-C
bản Đắng	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 33' 41"	103° 10' 49"					F-48-51-C
bản Nậm Chan I	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 34' 58"	103° 10' 17"					F-48-51-C
bản Nậm Pô	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 32' 42"	103° 10' 25"					F-48-51-C
bản Nậm Pọng	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 34' 14"	103° 09' 04"					F-48-51-C
bản Pọng	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 33' 24"	103° 09' 30"					F-48-51-C
bản Thái	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 32' 41"	103° 09' 54"					F-48-51-C
bản Xôm	DC	xã Mường Đăng	H. Mường Ảng	21° 33' 38"	103° 10' 24"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Lịch	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 28' 28"	103° 18' 17"	21° 28' 31"	103° 19' 25"	F-48-63-B
huổi Ly	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 27' 35"	103° 16' 32"	21° 28' 28"	103° 18' 17"	F-48-63-B
bản Bon	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 56"	103° 17' 54"					F-48-63-B
bản Có	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 02"	103° 16' 43"					F-48-63-B
nhóm Co Muông	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 12"	103° 18' 06"					F-48-63-B
bản Huổi Ly	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 34"	103° 16' 28"					F-48-63-B
nặm Lạn	TV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng			21° 25' 51"	103° 15' 53"	21° 28' 21"	103° 18' 57"	F-48-63-B
bản Nhộp	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 25' 56"	103° 17' 54"					F-48-63-B
nhóm Nong Bó	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 27' 11"	103° 17' 49"					F-48-63-B
bản Pắc Nặm	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 28' 21"	103° 18' 52"					F-48-63-B
núi Pha Lén	SV	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 24' 33"	103° 18' 13"					F-48-63-B
bản Xuân Lứa	DC	xã Mường Lạn	H. Mường Ảng	21° 26' 32"	103° 17' 21"					F-48-63-B
nặm Lịch	TV	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng			21° 28' 06"	103° 14' 59"	21° 28' 21"	103° 18' 37"	F-48-63-B
suối Hua Nặm	TV	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng			21° 27' 01"	103° 14' 25"	21° 28' 19"	103° 15' 16"	F-48-63-B
bản Huổi Lướng	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 29' 54"	103° 17' 40"					F-48-63-B
bản Ít Nọi	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 34"	103° 18' 14"					F-48-63-B
bản Lịch Cang	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 35"	103° 16' 16"					F-48-63-B
bản Lịch Nưa	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 16"	103° 15' 16"					F-48-63-B
bản Lịch Tở	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 28' 54 "	103° 17' 29"					F-48-63-B
bản Pá Khôm	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 26' 12"	103° 14' 45"					F-48-63-A
bản Pú Cai	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 25' 45"	103° 13' 03"					F-48-63-A
bản Pú Nen	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 29' 53"	103° 18' 40"					F-48-63-B
nhóm Thẳm Hé	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 27' 10"	103° 15' 15"					F-48-63-B
bản Thẳm Hóng	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 27' 48"	103° 15' 13"					F-48-63-B
bản Thẳm Phẳng	DC	xã Nặm Lịch	H. Mường Ảng	21° 26' 44"	103° 14' 54"					F-48-63-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Cô	TV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng			21° 34' 00"	103° 11' 11"	21° 35' 35"	103° 14' 40"	F-48-51-C
pu Me	SV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 35' 23"	103° 11' 19"					F-48-51-C
nặm Ngối	TV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng			21° 35' 50"	103° 11' 16"	21° 34' 59"	103° 12' 35"	F-48-51-C
huổi Ắt	TV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng			21° 37' 15"	103° 12' 05"	21° 35' 32"	103° 13' 16"	F-48-51-C
bản Cáy	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 35' 14"	103° 12' 58"					F-48-51-C
huổi Hịa	TV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng			21° 36' 34"	103° 10' 41"	21° 35' 51"	103° 11' 16"	F-48-51-C
núi Huổi Ắt	SV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 36' 31"	103° 13' 03"					F-48-51-C
bản Nặm Chan II	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 36' 12"	103° 10' 14"					F-48-51-C
bản Nậm Chan III	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 37' 35"	103° 11' 52"					F-48-51-C
bản Nặm Cứm	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 36' 51"	103° 13' 44"					F-48-51-C
bản Ngối	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 35' 08"	103° 12' 24"					F-48-51-C
bản Nong	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 34' 21"	103° 11' 41"					F-48-51-C
núi Pú Ổn	SV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 33' 43"	103° 13' 09"					F-48-51-C
bản Sẳng	DC	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 34' 38"	103° 11' 42"					F-48-51-C
đèo Tạng Quái	SV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 31' 45"	103° 10' 25"					F-48-51-C
núi Thổ Lộ	SV	xã Ngối Cáy	H. Mường Ảng	21° 35' 31"	103° 12' 35"					F-48-51-C
bản Căm Cặn	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 59"	103° 24' 03"					F-48-63-B
bản Chùa Sấu	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 38"	103° 19' 18"					F-48-63-B
bản Co Hón	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 53"	103° 20' 06"					F-48-63-B
bản Co Muông	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 46"	103° 20' 46"					F-48-63-B
nặm Húa	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 29' 01"	103° 20' 45"	21° 25' 43"	103° 24' 38"	F-48-63-B
bản Hua Khén	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 23"	103° 19' 59"					F-48-63-B
bản Kéo	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 29' 21"	103° 19' 59"					F-48-63-B
bản Khén	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 27' 09"	103° 20' 26"					F-48-63-B
huổi Khén	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 25' 25"	103° 19' 23"	21° 27' 20"	103° 20' 30"	F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lao	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 06"	103° 20' 20"					F-48-63-B
bản Long Đét	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 29"	103° 22' 52"					F-48-63-B
bản Món Hà	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 18"	103° 20' 25"					F-48-63-B
núi Na Đếch	SV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 32"	103° 21' 02"					F-48-63-B
bản Pá Lạn	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 36"	103° 19' 58"					F-48-63-B
bản Pha Hún	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 27' 10"	103° 22' 09"					F-48-63-B
bản Phấy	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 53"	103° 19' 49"					F-48-63-B
bản Phiêng Lao	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 28' 04"	103° 21' 26"					F-48-63-B
bản Pí	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 37"	103° 20' 52"					F-48-63-B
huổi Pí	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 26' 46"	103° 20' 58"	21° 27' 20"	103° 20' 30"	F-48-63-B
núi Thắm Chẩu	SV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 25' 24"	103° 18' 55"					F-48-63-B
bản Thẳn Chẩu	DC	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng	21° 26' 09"	103° 19' 14"					F-48-63-B
huổi Vấng	TV	xã Xuân Lao	H. Mường Ảng			21° 27' 17"	103° 19' 34"	21° 27' 51"	103° 20' 33"	F-48-63-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Mường Chà	H. Mường Chà	21° 45' 04"	103° 05' 05"					F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	TT. Mường Chà	H. Mường Chà			21° 46' 19"	103° 05' 36"	21° 44' 40"	103° 04' 59"	F-48-51-A, F-48-51-C
tổ dân phố 13	DC	TT. Mường Chà	H. Mường Chà	21° 45' 51"	103° 05' 22"					F-48-51-A
nặm Mươn	TV	TT. Mường Chà	H. Mường Chà			21° 46' 18"	103° 05' 31"	21° 44' 42"	103° 04' 58"	F-48-51-A, F-48-51-C
nặm Bai	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 53' 56"	102° 54' 13"	21° 57' 52"	102° 51' 48"	F-48-50-B
bản Cấu	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 57' 44"	102° 51' 55"					F-48-50-B
nặm Đích	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 51' 13"	102° 49' 33"	21° 53' 18"	102° 50' 03"	F-48-50-B
bản Nà Cang	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 53' 41"	102° 52' 42"					F-48-50-B
bản Nà Ín 1	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 56' 55"	102° 52' 35"					F-48-50-B
bản Nà Ín 2	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 57' 05"	102° 52' 49"					F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Sự	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 55' 32"	102° 53' 24"					F-48-50-B
nặm Nghèn	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 55' 40"	102° 55' 38"	21° 55' 32"	102° 53' 42"	F-48-50-B
huổi Nin	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 56' 23"	102° 51' 25"	21° 57' 54"	102° 51' 51"	F-48-50-B
bản Pa Có	DC	xã Chà Nưa	H. Mường Chà	21° 56' 22"	102° 52' 58"					F-48-50-B
suối Phum Nhủng	TV	xã Chà Nưa	H. Mường Chà			21° 52' 46"	102° 53' 18"	21° 53' 29"	102° 54' 16"	F-48-50-B
quốc lộ 6	KX	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà			21° 58' 01"	103° 10' 28"	21° 57' 09"	103° 13' 11"	F-48-51-A
suối Đề Bâu	TV	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà			21° 50' 17"	103° 10' 37"	21° 50' 55"	103° 15' 26"	F-48-51-B, F-48-51-A
bản Há Là Chủ A	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 53' 16"	103° 10' 22"					F-48-51-A
bản Há Là Chủ B	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 53' 01"	103° 10' 29"					F-48-51-A
bản Hát Tre	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 56' 43"	103° 11' 48"					F-48-51-A
bản Hừa Ngài	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 52' 33"	103° 14' 42"					F-48-51-A
bản Phi Công	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 57' 26"	103° 10' 53"					F-48-51-A
bản San Sả Hồ	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 55' 21"	103° 12' 00"					F-48-51-A
bản San Súi	DC	xã Hừa Ngài	H. Mường Chà	21° 52' 38"	103° 13' 18"					F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 56' 19"	103° 08' 23"	21° 51' 06"	103° 07' 15"	F-48-51-A
Hạt Giao thông 22	KX	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 51' 43"	103° 07' 24"					F-48-51-A
bản Ca Dính Nhè	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 12"	103° 03' 35"					F-48-51-A
pu Đi Độ	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 54' 24"	103° 04' 05"					F-48-51-A
bản Huổi Lèng	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 55"	103° 08' 57"					F-48-51-A
núi Huổi Lèng	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 55' 23"	103° 10' 10"					F-48-51-A
bản Huổi Toóng 1	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 52' 45"	103° 07' 49"					F-48-51-A
bản Huổi Toóng 2	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 52' 26"	103° 07' 42"					F-48-51-A
nặm Lay	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 53' 18"	103° 05' 23"	21° 55' 40"	103° 07' 55"	F-48-51-A
bản Ma Lù Thàng	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 54' 45"	103° 08' 49"					F-48-51-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Ma Thì Hồ	SV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 51' 06"	103° 07' 15"					F-48-51-A
bản Nậm Chua	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 49"	103° 01' 30"					F-48-51-A
suối Phi Tông	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 53' 07"	103° 02' 55"	21° 55' 12"	103° 01' 21"	F-48-51-A
huổi Sa Lương	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 54' 51"	103° 05' 11"	21° 55' 40"	103° 07' 55"	F-48-51-A
huổi Toóng	TV	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà			21° 52' 26"	103° 07' 44"	21° 53' 51"	103° 07' 18"	F-48-51-A
bản Trung Dình	DC	xã Huổi Lèng	H. Mường Chà	21° 53' 20"	103° 07' 49"					F-48-51-A
bản Huổi Mí 1	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 46' 14"	103° 12' 46"					F-48-51-A
bản Huổi Mí 2	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 44' 48"	103° 12' 15"					F-48-51-C
bản Huổi Xuân	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 44' 38"	103° 08' 10"					F-48-51-C
bản Lông Tạo	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 52' 33"	103° 14' 42"					F-48-51-A
bản Lùng Thàng	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 47' 42"	103° 15' 46"					F-48-51-B
huổi Mí	TV	xã Huổi Mí	H. Mường Chà			21° 48' 12"	103° 10' 39"	21° 46' 54"	103° 12' 30"	F-48-51-A
nặm Mức	TV	xã Huổi Mí	H. Mường Chà			21° 43' 03"	103° 08' 33"	21° 47' 14"	103° 16' 38"	F-48-51-A, F-48-51-B, F-48-51-C
bản Pa Ít	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 43' 18"	103° 10' 50"					F-48-51-C
bản Pa Son 2	DC	xã Huổi Mí	H. Mường Chà	21° 45' 38"	103° 10' 02"					F-48-51-A
nặm Chim	TV	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà			21° 46' 48"	102° 58' 45"	21° 45' 12"	103° 02' 14"	F-48-50-D F-48-51-A F-48-50-B F-48-51-C
bản Hồ Chim 1	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 31"	103° 01' 25"					F-48-51-A
bản Hồ Chim 2	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A
bản Huổi Mý	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A
bản Huổi Quang 1	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 43' 32"	102° 59' 04"					F-48-50-D
bản Huổi Quang 2	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 44' 06"	103° 00' 04"					F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ma Thì Hồ	TV	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà			21° 52' 45"	103° 01' 42"	21° 47' 29"	103° 01' 34"	F-48-51-A
bản Ma Thì Hồ 1	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 49' 20"	103° 01' 54"					F-48-51-A
bản Ma Thì Hồ 2	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 51' 56"	103° 01' 36"					F-48-51-A
bản Nậm Chim	DC	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà	21° 47' 28"	103° 00' 23"					F-48-51-A
huổi Quang	TV	xã Ma Thì Hồ	H. Mường Chà			21° 43' 29"	102° 59' 01"	21° 44' 05"	103° 01' 19"	F-48-50-B
Đồn Biên phòng 421	KX	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 21"	103° 03' 38"					F-48-51-C
huổi Bua	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 39' 55"	103° 02' 35"	21° 39' 57"	103° 03' 40"	F-48-51-C
huổi Chỏ	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 36' 43"	103° 02' 49"	21° 37' 16"	103° 02' 25"	F-48-51-C
suối Co Ngoa	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 39' 02"	103° 04' 28"	21° 39' 37"	103° 03' 40"	F-48-51-C
huổi Đỉa	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 39' 19"	103° 04' 33"	21° 39' 39"	103° 03' 39"	F-48-51-C
Trạm Biên phòng Đồn 421	KX	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 13"	103° 02' 02"					F-48-51-C
bản Huổi Meo	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 00"	103° 00' 20"					F-48-51-C
bản Huổi Nhả	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 41' 36"	103° 06' 38"					F-48-51-C
bản Huổi Vang	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 09"	103° 03' 28"					F-48-51-C
núi Keng Chan	SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 38' 28"	103° 00' 55"					F-48-51-C
pu Múa	SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 12"	103° 01' 13"					F-48-51-C
nặm Mức	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 35' 29"	102° 59' 28"	21° 41' 02"	103° 04' 16"	F-48-51-C, F-48-50-D
bản Mường Mươn 1	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 07"	103° 04' 02"					F-48-51-C
bản Mường Mươn 2	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 27"	103° 04' 09"					F-48-51-C
huổi Nhả	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 38' 31"	103° 07' 40"	21° 40' 31"	103° 05' 46"	F-48-51-C
ôm Pa Lo	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 37' 34"	103° 03' 13"	21° 37' 40"	103° 02' 59"	F-48-51-C
huổi Phía	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 39' 40"	103° 04' 32"	21° 39' 51"	103° 03' 40"	F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pú Chả	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 39' 21"	103° 04' 42"					F-48-51-C
bản Pú Múa	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 40' 49"	103° 02' 11"					F-48-51-C
bản Púng Giắt 1	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 38' 16"	103° 02' 56"					F-48-51-C
bản Púng Giắt 2	DC	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 37' 46"	103° 02' 52"					F-48-51-C
pu Sam Thang	SV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà	21° 36' 56"	103° 05' 23"					F-48-51-C
huổi Toóng	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 40' 33"	103° 03' 09"	21° 40' 28"	103° 04' 03"	F-48-51-C
ôm Trưm	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 38' 40"	103° 01' 35"	21° 38' 09"	103° 02' 28"	F-48-51-C
huổi Vang	TV	xã Mường Mươn	H. Mường Chà			21° 37' 21"	103° 04' 36"	21° 39' 44"	103° 03' 27"	F-48-51-C
quốc lộ 12	KX	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 58' 03"	103° 08' 52"	21° 56' 19"	103° 08' 22"	F-48-51-A
nặm Cang	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 56' 14"	103° 02' 35"	21° 57' 55"	103° 03' 04"	F-48-51-A
huổi Chá	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 55' 17"	103° 04' 14"	21° 56' 24"	103° 04' 34"	F-48-51-A
bản Đán Đanh	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 00' 35"	103° 00' 57"					F-48-39-C
pu Đi Độ	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 19"	103° 05' 47"					F-48-51-A
huổi Én	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 56' 10"	103° 07' 01"	21° 56' 52"	103° 08' 20"	F-48-51-A
nặm He	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 57' 14"	103° 00' 24"	21° 58' 13"	103° 08' 46"	F-48-51-A
nặm He Nọi	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 59' 44"	103° 04' 50"	21° 58' 43"	103° 05' 18."	F-48-51-A
huổi Hoi	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			22° 01' 10"	103° 03' 06"	21° 59' 44"	103° 04' 50"	F-48-39-C
bản Huổi Chá	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 52"	103° 04' 42"					F-48-51-A
bản Huổi Điết	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 59' 46"	103° 02' 44"					F-48-39-C
bản Huổi Sáy	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 58' 04"	103° 02' 44"					F-48-51-A
huổi Ít	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 57' 26"	103° 05' 55"	21° 57' 54"	103° 05' 57"	F-48-51-A
huổi Lếch	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 56' 42"	103° 06' 21"	21° 58' 03"	103° 06' 38"	F-48-51-A
bản Mới	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 07"	103° 08' 27"					F-48-51-A
bản Nậm Cang 1	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 03"	103° 02' 58"					F-48-51-A
bản Nậm Cang 2	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 07"	103° 02' 09"					F-48-51-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Nặm He	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 02' 59"	103° 01' 00"					F-48-39-C
bản Nậm He 1	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 58' 16"	103° 04' 39"					F-48-51-A
pu Nặm He Nọi	SV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 01' 20"	103° 03' 45"					F-48-39-C
bản Nậm Piền	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 59' 36"	103° 01' 19"					F-48-51-A
huổi Nhè Mê	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			22° 00' 12"	103° 02' 13"	21° 59' 58"	103° 01' 16"	F-48-39-C
huổi Pậu	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 59' 46"	103° 03' 35"	21° 58' 33"	103° 04' 42"	F-48-51-A
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 57' 51"	103° 08' 24"					F-48-51-A
nặm Piền	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			22° 01' 55"	103° 00' 43"	21° 57' 54"	103° 02' 12"	F-48-39-C
bản Púng Chạng	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	22° 02' 35"	103° 01' 07"					F-48-39-C
bản Tin Tốc	DC	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 39"	103° 08' 12"					F-48-51-A
cầu Tin Tốc 1	KX	xã Mường Tùng	H. Mường Chà	21° 56' 58"	103° 08' 27"					F-48-51-A
huổi Van	TV	xã Mường Tùng	H. Mường Chà			21° 58' 30"	103° 02' 35"	21° 57' 54"	103° 02' 52"	F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 44' 17"	103° 05' 09"	21° 40' 55"	103° 04' 20"	F-48-51-C
huổi Bâu	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 42' 03"	103° 03' 24"	21° 41' 59"	103° 04' 25"	F-48-51-C
nặm Chim	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 45' 12"	103° 02' 14"	21°39' 29"	103°58' 43"	F-48-51-C
bản Co Đứa	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 07"	103° 04' 32"					F-48-51-C
huổi Dân Quân	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 44' 19"	103° 03' 58"	21° 43' 56"	103° 04' 59"	F-48-51-C
huổi Đích	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 41' 23"	103° 02' 27"	21° 40' 54"	103° 04' 14"	F-48-51-C
bản Hin 1	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 49"	103° 05' 11"					F-48-51-C
bản Hin 2	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 39"	103° 04' 49"					F-48-51-C
bản Huổi Lóng	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 42"	103° 02' 45"					F-48-51-C
bản Huổi Xưa	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 43' 10"	103° 07' 01"					F-48-51-C
huổi Két	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 42' 48"	103° 05' 01"	21° 41' 57"	103° 04' 41"	F-48-51-C
huổi Múa	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 43' 30"	103° 03' 52"	21° 43' 15"	103° 04' 32"	F-48-51-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Mức	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 41' 02"	103° 04' 16"	21° 43' 07"	103° 09' 44"	F-48-51-C, F-48-50-D
nặm Mươn	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 44' 42"	103° 04' 58"	21° 41' 57"	103° 04' 38"	F-48-51-C
cầu Mường Mươn	KX	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 41' 44"	103° 04' 51"					F-48-51-C
bản Nà Pheo	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 43' 54"	103° 05' 02"					F-48-51-C
bản Nậm Bó	DC	xã Na Sang	H. Mường Chà	21° 42' 42"	103° 02' 45"					F-48-51-C
huổi Nhả	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 40' 31"	103° 05' 46"	21° 41' 31"	103° 05' 29"	F-48-51-C
huổi Pưng	TV	xã Na Sang	H. Mường Chà			21° 43' 55"	103° 03' 57"	21° 43' 46"	103° 04' 55"	F-48-51-C
nặm Cút	TV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà			21° 49' 15"	103° 15' 18"	21° 50' 16"	103° 17' 35"	F-48-51-B
bản Cứu Táng	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 49' 40"	103° 15' 21"					F-48-51-B
bản Háng Trở	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 59"	103° 16' 35"					F-48-51-B
bản Hô Cút	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 49' 30"	103° 16' 50"					F-48-51-B
bản Hô Mức	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 49"	103° 17' 52"					F-48-51-B
bản Nậm Cút	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 05"	103° 17' 34"					F-48-51-B
cầu Nậm Mức	KX	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 48' 20"	103° 18' 00"					F-48-51-B
núi Nặm Nèn	SV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 02"	103° 15' 20"					F-48-51-B
bản Nậm Nèn 1	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 51' 07"	103° 17' 04"					F-48-51-B
bản Nậm Nèn 2	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 50' 56"	103° 16' 44"					F-48-51-B
nặm Nèn	TV	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà			21° 50' 55"	103° 15' 26"	21° 51' 06"	103° 17' 12"	F-48-51-B F-48-51-A
bản Phiêng Đất A	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 51' 28"	103° 17' 03"					F-48-51-B
bản Phiêng Đất B	DC	xã Nậm Nèn	H. Mường Chà	21° 51' 51"	103° 17' 14"					F-48-51-B
huổi Cang	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 32"	103° 13' 42"	21° 55' 14"	103° 15' 47"	F-48-51-B
bản Huổi Bon	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 54' 57"	103° 14' 18"					F-48-51-A
bản Huổi Cang	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 53' 50"	103° 15' 57"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Đáp	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 53' 58"	103° 15' 29"					F-48-51-B
bản Mường Anh 1	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 55' 51"	103° 14' 04"					F-48-51-A
bản Mường Anh 2	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 55' 57"	103° 14' 10"					F-48-51-A
bản Pa Ham	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 56' 02"	103° 13' 43"					F-48-51-A
bản Phong Châu	DC	xã Pa Ham	H. Mường Chà	21° 56' 46"	103° 13' 27"					F-48-51-A
nặm Tấu	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 55' 31"	103° 13' 04"	21° 55' 58"	103° 14' 58"	F-48-51-A
quốc lộ 6	KX	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 14"	103° 12' 47"	21° 48' 20"	103° 18' 00"	F-48-51-B
nặm Mức	TV	xã Pa Ham	H. Mường Chà			21° 53' 55"	103° 14' 58"	21° 47' 14"	103° 16' 38"	F-48-51-A
quốc lộ 12	KX	xã Sa Lông	H. Mường Chà			21° 51' 06"	103° 07' 15"	21° 46' 19"	103° 05' 36"	F-48-51-A
bản Chiêu Ly	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 49"	103° 08' 46"					F-48-51-A
bản Cổng Trời	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 54"	103° 07' 04"					F-48-51-A
suối Đề Quá Tử	TV	xã Sa Lông	H. Mường Chà			21° 49' 38"	103° 05' 01"	21° 48' 47"	103° 06' 09"	F-48-51-A
bản Háng Lìa	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 47' 35"	103° 05' 58"					F-48-51-A
đèo Ma Thì Hồ	SV	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 51' 06"	103° 07' 15"					F-48-51-A
núi Phi Tông	SV	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 51' 16"	103° 05' 39"					F-48-51-A
bản Pu Ca	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 46' 47"	103° 05' 53"					F-48-51-A
suối Sa Lông	TV	xã Sa Lông	H. Mường Chà			21° 48' 31"	103° 08' 29"	21° 49' 07"	103° 06' 31"	F-48-51-A
bản Sa Lông 1	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 49' 6"	103° 06' 45"					F-48-51-A
bản Sa Lông 2	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 48' 55"	103° 06' 27"					F-48-51-A
bản Thèn Pả	DC	xã Sa Lông	H. Mường Chà	21° 50' 13"	103° 09' 59"					F-48-51-A
quốc lộ 6	KX	xã Sá Tổng	H. Mường Chà			21° 59' 52"	103° 10' 04"	21° 58' 01"	103° 10' 28"	F-48-51-A
pu Nhung	SV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 52"	103° 13' 46"					F-48-51-A
sông Đà	TV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà			22° 04' 14"	103° 11' 20"	22° 02' 32"	103° 17' 11"	F-48-39-C F-48-39-D
bản Dế Da	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 00' 54"	103° 11' 27"					F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đề Dê	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 58' 28"	103° 11' 33"					F-48-51-A
bản Há Mùa Lừ	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 02' 05"	103° 15' 28"					F-48-39-D
bản Háng Lìa	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 01' 37"	103° 15' 37"					F-48-39-D
nặm Mức	TV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà			21° 55' 58"	103° 14' 58"	22° 02' 32"	103° 17' 11"	F-48-39-D F-48-51-B
bản Phi Hai	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 56"	103° 10' 20"					F-48-51-A
bản Sá Ninh	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	22° 01' 15"	103° 10' 38"					F-48-39-C
đèo Sá Tổng	SV	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 18"	103° 10' 16"					F-48-51-A
bản Xà Phình 1	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 57' 53"	103° 14' 55"					F-48-51-A
bản Xà Phình 2	DC	xã Sá Tổng	H. Mường Chà	21° 59' 32"	103° 12' 45"					F-48-51-A
pu A Pa Kho Tú	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 19' 31"	102° 27' 04"					F-48-37-B
núi A Sen Thàng	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 21' 33"	102° 26' 18"					F-48-37-B
pu Đen Đin	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 15"	102° 25' 30"					F-48-37-B
bản Đoàn Kết	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 53"	102° 23' 48"					F-48-37-B
phu E Tam	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 22"	102° 19' 47"					F-48-37-B
nặm Khum	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 20' 17"	102° 27' 38"	22° 19' 30"	102° 26' 26"	F-48-37-B
huổi Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 13' 18"	102° 17' 28"	22° 13' 57"	102° 18' 17"	F-48-37-C+D
nặm Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 14' 37"	102° 19' 12"	22° 20' 12"	102° 24' 45"	F-48-37-C+D F-48-37-B
bản Nậm Khum	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 30"	102° 26' 14"					F-48-37-B
phu Nậm Ma	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 13' 12"	102° 16' 35"					F-48-37-C+D
phu Nậm Pắc	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 14' 08"	102° 16' 17"					F-48-37-C+D
bản Nậm Sin	DC	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 15' 52"	102° 27' 41"					F-48-37-B
suối Nhù Ma Hò	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 14' 44"	102° 14' 46"	22° 16' 47"	102° 21' 45"	F-48-37-A, F-48-37-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pa Ma	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 17' 30"	102° 20' 53"	22° 16' 47"	102° 21' 45"	F-48-37-B
nặm Pắc	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 13' 38"	102° 16' 16"	22° 14' 37"	102° 19' 12"	F-48-37-C+D
núi Phang U Quen	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 56"	102° 22' 11"					F-48-37-B
núi Phù Phang	SV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé	22° 17' 58"	102° 24' 26"					F-48-37-B
nặm Po	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 37"	102° 24' 59"	22° 15' 56"	102° 24' 07"	F-48-37-B
nặm Pò Khò	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 56"	102° 24' 07"	22° 17' 19"	102° 23' 43"	F-48-37-B
nặm Sin	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 15' 28"	102° 29' 45"	22° 19' 07"	102° 25' 09"	F-48-37-C+D
nặm Sìn Qué	TV	xã Chung Chải	H. Mường Nhé			22° 20' 51"	102° 27' 11"	22° 20' 23"	102° 25' 28"	F-48-37-B
bản Cây Sặt	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 09' 17"	102° 39' 57"					F-48-38-C
bản Nậm Hính 1	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 07' 37"	102° 42' 16"					F-48-38-C
bản Nậm Hính 2	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 07' 00"	102° 40' 45"					F-48-38-C
bản Nậm Khum	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 10' 41"	102° 43' 46"					F-48-38-C
bản Nậm Mỳ 1	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 08' 04"	102° 39' 57"					F-48-38-C
bản Nậm Mỳ 2	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 08' 14"	102° 40' 14"					F-48-38-C
bản Nậm Ngà	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 14' 34"	102° 42' 13"					F-48-38-C
bản Nậm Pan 1	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 09' 46"	102° 37' 27"					F-48-38-C
bản Nậm Pan 2	DC	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé	22° 09' 31"	102° 38' 33"					F-48-38-C
nặm Khum	TV	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé			22° 11' 50"	102° 43' 28"	22° 12' 30"	102° 45' 06"	F-48-38-C
nặm Ngà	TV	xã Huổi Lếch	H. Mường Nhé			22° 15' 48"	102° 40' 31"	22° 12' 30"	102° 45' 06"	F-48-38-C
Đồn Biên phòng 405	KX	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 21' 07"	102° 19' 59"					F-48-37-B
nặm Chí Xé	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 23' 15"	102° 24' 57"	22° 23' 13"	102° 24' 00"	F-48-37-B
núi Có Kang Sừng	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 21' 13"	102° 22' 22"					F-48-37-B
phu Giàng Có Chư	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 19' 18"	102° 17' 41"					F-48-37-B
bản Leng Su Sìn	DC	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 21' 23"	102° 20' 15"					F-48-37-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Leng Su Sìn	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 21' 59"	102° 20' 14"					F-48-37-B
núi Ló Na Khò	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 22' 05"	102° 21' 34"					F-48-37-B
nặm Ma	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 20' 12"	102° 24' 45"	22° 23' 38"	102° 24' 11"	F-48-37-B
nặm Ma Kang Khò	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 18' 31"	102° 15' 05"	22° 18' 49"	102° 18' 27"	F-48-37-B
núi Mo Phí Thó Gạ	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 23' 03"	102° 22' 33"					F-48-37-B
phu Nhù Ma Hò	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 17' 54"	102° 14' 54"					F-48-37-B
suối Nhù Ma Hò	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 14' 44"	102° 14' 46"	22° 16' 30"	102° 19' 44"	F-48-37-B, F-48-37-D+C
huổi Pa Ma	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 18' 49"	102° 18' 27"	22° 17' 30"	102° 20' 53"	F-48-37-B
suối Pang Pơi	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 20' 38"	102° 21' 23"	22° 21' 23"	102° 23' 05"	F-48-37-B
nặm Phứ Ma	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 22' 14"	102° 25' 04"	22° 21' 07"	102° 23' 32"	F-48-37-B
núi Pì Thí Khó Chò	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 18' 24"	102° 20' 13"					F-48-37-B
suối Pì Thí	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 20' 08"	102° 19' 03"	22° 20' 38"	102° 21' 23"	F-48-37-B
nặm Sìn Kang Khò	TV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé			22° 19' 54"	102° 16' 33"	22° 21' 06"	102° 18' 23"	F-48-37-B
núi Sin Sa Y	SV	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 21' 05"	102° 19' 31"					F-48-37-B
bản Suối Voi	DC	xã Leng Su Sìn	H. Mường Nhé	22° 20' 27"	102° 22' 03"					F-48-37-B
Đồn Biên phòng 409	KX	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 54"	102° 26' 49"					F-48-37-C+D
huổi Bon	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 09' 13"	102° 30' 43"	22° 09' 40"	102° 31' 14"	F-48-38-C
nặm Cháy	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 07' 03"	102° 27' 28"	22° 06' 53"	102° 30' 06"	F-48-37-C+D, F-48-38-C
bản Co Lót	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 42"	102° 30' 53"					F-48-38-C
pu Đen Đin	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 53"	102° 23' 35"					F-48-37-C+D
huổi Hin Bóng	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 14' 47"	102° 24' 33"	22° 13' 48"	102° 24' 20"	F-48-37-C+D
pu Hô Nậm Nhé	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 01"	102° 23' 44"					F-48-37-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Hỏi Cáy	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 32"	102° 22' 58"					F-48-37-C+D
pu Huổi Cáy	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 33"	102° 23' 51"					F-48-37-C+D
pu Huổi Đeng	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 02"	102° 26' 07"					F-48-37-C+D
pu Huổi Ló	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 40"	102° 25' 19"					F-48-37-C+D
pu Huổi Sa	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 47"	102° 29' 20"					F-48-37-C+D
nặm Kè	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 06' 42"	102° 27' 30"	22° 06' 27"	102° 29' 16"	F-48-37-C+D
nặm Khún	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 13' 54"	102° 23' 23"	22° 14' 07"	102° 24' 04"	F-48-37-C+D
nặm Là	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 36"	102° 20' 17"	22° 11' 58"	102° 25' 14"	F-48-37-C+D
huổi Ló	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 48"	102° 27' 12"	22° 10' 49"	102° 27' 51"	F-48-37-C+D
bản Mường Nhé	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 11"	102° 27' 28"					F-48-37-C+D
pu Nậm Cum	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 45"	102° 21' 44"					F-48-37-C+D
bản Nậm Là	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 11' 56"	102° 25' 20"					F-48-37-C+D
bản Nậm Pố	DC	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 16"	102° 28' 53"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 25"	102° 26' 22"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố Luông	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 10' 11"	102° 22' 27"					F-48-37-C+D
pu Nậm Pố Nọi	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 08' 35"	102° 26' 28"					F-48-37-C+D
nặm Nhé	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 10' 02"	102° 22' 30"	22° 11' 18"	102° 23' 06"	F-48-37-C+D
pu Phan Cổng Tú	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 09' 22"	102° 25' 29"					F-48-37-C+D
huổi Piếc	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 14' 46"	102° 24' 59"	22° 14' 47"	102° 24' 33"	F-48-37-C+D
nặm Pố	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 09' 23"	102° 27' 42"	22° 10' 08"	102° 29' 11"	F-48-37-C+D
nặm Pố Luông	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 07' 49"	102° 25' 42"	22° 09' 23"	102° 27' 42"	F-48-37-C+D
nặm Pố Nọi	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 08' 50"	102° 25' 53"	22° 09' 23"	102° 27' 42"	F-48-37-C+D
nặm San	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 13' 49"	102° 21' 53"	22° 13' 54"	102° 23' 23"	F-48-37-C+D
pu Tin Tốc	SV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé	22° 07' 06"	102° 28' 37"					F-48-37-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Tun	TV	xã Mường Nhé	H. Mường Nhé			22° 15' 11"	102° 23' 03"	22° 14' 07"	102° 24' 04"	F-48-37-C+D
bản Mường Toong 1	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 09' 26"	102° 34' 19"					F-48-38-C
bản Mường Toong 2	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 09' 1"	102° 34' 24"					F-48-38-C
bản Nậm Xả	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 13' 39"	102° 34' 12"					F-48-38-C
bản Ngã Ba	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 11' 26"	102° 33' 35"					F-48-38-C
nặm Nhé	TV	xã Mường Toong	H. Mường Nhé			22° 08' 53"	102° 31' 45"	22° 07' 50"	102° 34' 48"	F-48-38-C
bản Tà Hàng	DC	xã Mường Toong	H. Mường Nhé	22° 08' 46"	102° 31' 42"					F-48-38-C
nặm Chà	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			21° 59' 42"	102° 33' 17"	21° 59' 57"	102° 36' 24"	F-48-49-B+50-A
bản Chuyên Gia 1	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 04"	102° 38' 04"					F-48-38-C
bản Chuyên Gia 2	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 05' 41"	102° 37' 40"					F-48-38-C
bản Chuyên Gia 3	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 56"	102° 32' 12"					F-48-38-C
núi Cổ Ven	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 44"	102° 31' 48"					F-48-38-C
huổi Đáp	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 24"	102° 37' 41"	22° 06' 00"	102° 38' 53"	F-48-38-C
huổi Đeng	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 16"	102° 34' 26"	22° 06' 16"	102° 35' 09"	F-48-38-C
huổi Hang	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 08' 03"	102° 31' 00"	22° 08' 53"	102° 31' 45"	F-48-38-C
nặm Hin Quảng	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 03' 37"	102° 31' 16"	22° 04' 54"	102° 31' 41"	F-48-38-C
bản Huổi Khon	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 19"	102° 37' 56"					F-48-38-C
núi Huổi Néo	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 05' 05"	102° 28' 47"					F-48-37-C+D
nặm Kè	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 06' 53"	102° 30' 06"	22° 07' 26"	102° 34' 50"	F-48-38-C
nặm Kè Nọi	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 04' 47"	102° 28' 55"	22° 06' 13"	102° 31' 21"	F-48-37-C+D F-48-38-C
huổi Lê Lon	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 04' 48"	102° 30' 11"	22° 04' 54"	102° 31' 41"	F-48-38-C
bản Nậm Kè	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 02"	102° 34' 23"					F-48-38-C
huổi Néo	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 04' 24"	102° 27' 48"	22° 05' 52"	102° 28' 25"	F-48-37-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Ngoa	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 03' 32"	102° 28' 28"	22° 04' 05"	102° 31' 28"	F-48-37-C+D F-48-38-C
nặm Nhé	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 07' 51"	102° 34' 30"	22° 05' 58"	102° 39' 00"	F-48-38-C
núi Pá Cô Lô	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 04' 51"	102° 32' 24"					F-48-38-C
núi Pá Pun	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 03' 59"	102° 28' 28"					F-48-37-C+D
bản Phiêng Vai	DC	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 50"	102° 35' 13"					F-48-38-C
núi Pôn Pin	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 06' 23"	102° 30' 04"					F-48-38-C
nặm Pun	TV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé			22° 05' 18"	102° 35' 50"	22° 06' 33"	102° 35' 30"	F-48-38-C
núi Ven Pi	SV	xã Nậm Kè	H. Mường Nhé	22° 07' 32"	102° 32' 14"					F-48-38-C
bản Huổi Lúm	DC	xã Nậm Vì	H. Mường Nhé	22° 12' 37"	102° 31' 53"					F-48-38-C
bản Huổi Trạ	DC	xã Nậm Vì	H. Mường Nhé	22° 11' 13"	102° 30' 17"					F-48-38-C
bản Nậm Vì	DC	xã Nậm Vì	H. Mường Nhé	22° 11' 55"	102° 31' 13"					F-48-38-C
huổi Trạ	TV	xã Nậm Vì	H. Mường Nhé	22° 11' 56"	102° 29' 17"	22° 11' 11"	102° 30' 04"			F-48-37-C+D
nặm Vì	TV	xã Nậm Vì	H. Mường Nhé	22° 12' 43"	102° 31' 32"	22° 10' 09"	102° 30' 01"			F-48-38-C
nặm Chà	TV	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé			22° 03' 24"	102° 38' 29"	22° 03' 16"	102° 41' 12"	F-48-38-C
bản Huổi Lích 1	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 05' 16"	102° 40' 07"					F-48-38-C
bản Huổi Lích 2	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 04' 59"	102° 39' 41"					F-48-38-C
bản Huổi Pết	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 05' 16"	102° 41' 24"					F-48-38-C
nặm Nhé	TV	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé			22° 06' 45"	102° 38' 19"	22° 07' 48"	102° 44' 46"	F-48-38-C
bản Pá Mỳ 1	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 06' 47"	102° 39' 15"					F-48-38-C
bản Pá Mỳ 2	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 07' 40"	102° 38' 40"					F-48-38-C
bản Pá Mỳ 3	DC	xã Pá Mỳ	H. Mường Nhé	22° 06' 23"	102° 41' 31"					F-48-38-C
nặm Chà	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			21° 59' 57"	102° 36' 24"	22° 03' 24"	102° 38' 29"	F-48-38-C
núi Huổi Tên	SV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 04' 04"	102° 33' 51"					F-48-38-C
huổi Lắp	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 03' 12"	102° 42' 27"	22° 03' 16"	102° 41' 13"	F-48-38-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Mì	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 00' 14"	102° 40' 42"	22° 02' 19"	102° 40' 28"	F-48-38-C
bản Nậm Chà Nọi	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 03' 09"	102° 36' 21"					F-48-38-C
bản Quảng Lâm	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 02' 18"	102° 40' 23"					F-48-38-C
huổi Sa	TV	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé			22° 04' 05"	102° 37' 12"	22° 03' 37"	102° 37' 59"	F-48-38-C
bản Trạm Púng	DC	xã Quảng Lâm	H. Mường Nhé	22° 03' 23"	102° 37' 48"					F-48-38-C
núi Can Lòng Thàn	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 59"	102° 16' 57"					F-48-37-B
núi Lò Quan Chái	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 27' 27"	102° 19' 22"					F-48-37-B
núi Lò San Chái	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 28' 42"	102° 16' 52"					F-48-37-B
núi Lỳ Tá Phú	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 26' 05"	102° 23' 39"					F-48-37-B
bản Sen Thượng	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 04"	102° 20' 12"					F-48-37-B
núi Tả Long San	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 29' 18"	102° 16' 48"					F-48-37-B
bản Tả Khoa Pá	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 24' 58"	102° 19' 44"					F-48-37-B
bản Tả Lóng San	DC	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 29' 45"	102° 17' 44"					F-48-37-B
núi Tạ Sú	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 26' 56"	102° 17' 31"					F-48-37-B
núi Tù Na	SV	xã Sen Thượng	H. Mường Nhé	22° 30' 08"	102° 18' 37"					F-48-25-B+D
bản A Pa Chải	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 31"	102° 13' 41"					F-48-37-A
Trạm Biên phòng A Pa Chải	KX	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 48"	102° 13' 20"					F-48-37-A
phu Chao Cải	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 24' 53"	102° 15' 29"					F-48-37-B
núi Chu Lu San	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 26' 07"	102° 11' 01"					F-48-37-A
núi Khoàng Lèn San	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 24' 01"	102° 08' 38"					F-48-37-A
bản Lỳ Mà Tá	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 22' 42"	102° 17' 40"					F-48-37-B
suối Mo Phí	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 24' 48"	102° 10' 59"	22° 23' 36"	102° 13' 28"	F-48-37-A
suối Mò Pông Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 22' 46"	102° 09' 45"	22° 24' 43"	102° 11' 28"	F-48-37-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nậm Phúng Khò	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 51"	102° 17' 42"					F-48-37-B
phu Pang Pơi	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 21' 07"	102° 15' 06"	22° 18' 19"	102° 13' 21"	22° 20' 45"	102° 15' 27"	F-48-37-B
suối Pang Pơi Hồ	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 18' 19"	102° 13' 21"	22° 20' 45"	102° 15' 27"	F-48-37-A
suối Pờ Nhù Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 22' 36"	102° 10' 28"	22° 23' 49"	102° 11' 28"	F-48-37-A
núi Sin Chi Tí	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 18' 11"	102° 11' 45"	22° 23' 37"	102° 11' 44"	22° 24' 03"	102° 12' 34"	F-48-37-A
bản Tả Co Khừ	DC	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 22' 37"	102° 15' 09"					F-48-37-B
suối Tá Sến	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 23' 37"	102° 11' 44"	22° 24' 03"	102° 12' 34"	F-48-37-A
núi Tá Sú Lìn	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 19' 21"	102° 13' 49"	22° 20' 45"	102° 15' 27"	22° 20' 38"	102° 21' 23"	F-48-37-A
suối Tôn San Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 24' 17"	102° 09' 34"	22° 24' 48"	102° 10' 59"	F-48-37-A
núi Ứ Na	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 23' 21"	102° 15' 49"					F-48-37-B
núi Y Già Y Ma Hồ	SV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé	22° 17' 45"	102° 12' 43"					F-48-37-A
suối Y Ma Khò	TV	xã Sín Thầu	H. Mường Nhé			22° 21' 21"	102° 10' 55"	22° 22' 34"	102° 14' 58"	F-48-37-A
huổi Chá	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 58' 27"	102° 47' 02"	21° 57' 20"	102° 47' 08"	F-48-50-B
nặm Đích	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 55' 16"	102° 50' 20"	21° 57' 26"	102° 49' 03"	F-48-50-B
nặm Hai	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 53' 50"	102° 48' 56"	21° 55' 41"	102° 47' 33"	F-48-50-B
pu Kéo Mặng Có	SV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 57' 01"	102° 50' 14"					F-48-38-C
bản Mới 1	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 58' 07"	102° 51' 43"					F-48-50-B
bản Mới 2	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 57' 59"	102° 51' 35"					F-48-50-B
bản Nà Khuyết	DC	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ	21° 59' 33"	102° 50' 40"					F-48-50-B
huổi Pai	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 59' 08"	102° 48' 14"	21° 57' 57"	102° 49' 46"	F-48-50-B
nặm Pồ	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 54' 20"	102° 42' 45"	21° 55' 53"	102° 44' 49"	F-48-49-B+50-A
nặm Tin	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 52' 33"	102° 46' 33"	21° 55' 43"	102° 46' 29"	F-48-50-B
huổi Vặt	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			22° 00' 09"	102° 48' 54"	21° 58' 24"	102° 50' 21"	F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Lâu	TV	xã Chà Cang	H. Nậm Pồ			21° 58' 25"	102° 45' 16"	21° 57' 03"	102° 46' 59"	F-48-50-B
nặm Chua	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 57' 14"	103° 00' 24"	21° 55' 12"	103° 01' 21"	F-48-51-A
nặm Củng	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 53' 19"	102° 56' 44"	21° 57' 14"	103° 00' 24"	F-48-50-B
huổi Di	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 59' 38"	102° 53' 55"	21° 59' 08"	102° 52' 17"	F-48-50-B
nặm Hằng	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 58' 30"	102° 52' 13"	21° 57' 44"	102° 56' 58"	F-48-50-B
nặm He	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			22° 01' 13"	102° 58' 04"	21° 57' 07"	102° 59' 36"	F-48-38-D
bản Hô Củng	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 54' 56"	102° 57' 38"					F-48-50-B
bản Hô Hằng	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 58' 00"	102° 56' 31"					F-48-50-B
bản Hô He	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 57' 33"	102° 58' 09"					F-48-50-B
dãy núi Hô Nặm Nghèn	SV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 56' 09"	102° 57' 08"					F-48-50-B
huổi Kho	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 55' 27"	102° 59' 14"	21° 56' 07"	102° 59' 05"	F-48-50-B
bản Mười	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 58' 23"	102° 54' 45"					F-48-50-B
bản Nà Én	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 58' 40"	102° 53' 17"					F-48-50-B
bản Nà Pẩu	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 58' 41"	102° 53' 48"					F-48-50-B
bản Nậm Củng	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	21° 56' 09"	102° 59' 06"					F-48-50-B
huổi Ngu Lơm	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 58' 37"	102° 55' 53"	21° 58' 17"	102° 55' 52"	F-48-50-B
huổi Pênh	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 53' 13"	102° 57' 39"	21° 54' 45"	102° 57' 38"	F-48-50-B
huổi Phi	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 38"	F-48-50-B
huổi Sa Lương	TV	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ			21° 59' 52"	102° 59' 46"	21° 57' 27"	102° 59' 51"	F-48-50-B
bản Sìn Thàng	DC	xã Chà Tở	H. Nậm Pồ	22° 00' 12"	102° 58' 52"					F-48-38-D
bản Nà Bủng 1	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 45' 13"	102° 39' 28"					F-48-49-B+50-A
bản Nà Bủng 2	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 44' 49"	102° 40' 23"					F-48-50-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Bủng 3	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 45' 02"	102° 40' 31"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Tắt	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 41' 54"	102° 41' 24"					F-48-50-C
bản Ngải Thầu 1	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 45' 54"	102° 40' 21"					F-48-49-B+50-A
bản Ngải Thầu 2	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 46' 17"	102° 40' 01"					F-48-49-B+50-A
nặm Pồ	TV	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ							F-48-50-C
bản Púng Pá Kha	DC	xã Nà Bủng	H. Nậm Pồ	21° 40' 48"	102° 41' 16"					F-48-50-C
núi Cắng Cò	SV	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	22° 02' 03"	102° 32' 59"					F-48-38-C
nặm Chà	TV	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ			22° 01' 07"	102° 32' 19"	21° 59' 51"	102° 33' 47"	F-48-49-B+50-A
nặm Chẩn	TV	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ			21° 56' 46"	102° 38' 14"	21° 55' 29"	102° 39' 15"	F-48-49-B+50-A
núi Huổi Chai	SV	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	22° 02' 29"	102° 32' 32"					F-48-38-C
bản Huổi Thủng 1	DC	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 40"	102° 33' 08"					F-48-49-B+50-A
bản Huổi Thủng 2	DC	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 33"	102° 33' 10"					F-48-49-B+50-A
bản Na Cô Sa 1	DC	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 58"	102° 32' 33"					F-48-49-B+50-A
bản Na Cô Sa 2	DC	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	21° 59' 50"	102° 32' 20"					F-48-49-B+50-A
bản Na Cô Sa 3	DC	xã Na Cô Sa	H. Nậm Pồ	22° 00' 08"	102° 31' 32"					F-48-38-C
Trạm Biên phòng 413	KX	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 53"	102° 45' 32"					F-48-50-B
bản Huổi Cơ Dạo	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 52"	102° 45' 57"					F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Cơ Mông	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 46' 49"	102° 43' 48"					F-48-49-B+50-A
bản Huổi Sang	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 50' 31"	102° 46' 53"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 1	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 46"	102° 45' 51"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 2	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 21"	102° 45' 36"					F-48-50-B
bản Nà Hỳ 3	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 48' 29"	102° 45' 37"					F-48-50-B
nặm Pồ	TV	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ			21° 44' 48"	102° 47' 03"	21° 51' 52"	102° 44' 12"	F-48-50-B, F-48-49-B+50-A
bản Sam Lang	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 45' 01"	102° 47' 32"					F-48-50-B
bản Sín Chải 1	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 32"	102° 46' 08"					F-48-50-B
bản Sín Chải 2	DC	xã Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	21° 47' 40"	102° 45' 53"					F-48-50-B
nặm Chẩn	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 55' 29"	102° 39' 15"	21° 54' 14"	102° 42' 16"			F-48-49-B+50-A
nặm Chua	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 51' 06"	102° 42' 19"	21° 53' 21"	102° 42' 36"			F-48-50-C
huổi Hâu	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 11"	102° 44' 43"	21° 51' 52"	102° 44' 13"			F-48-49-B+50-A
bản Huổi Lụ 1	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 48"	102° 42' 04"					F-48-49-B+50-A
bản Huổi Lụ 2	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 51' 48"	102° 42' 36"					F-48-49-B+50-A
bản Nà Khoa	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 11"	102° 42' 24"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Chẩn	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 55' 17"	102° 40' 52"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Nhừ 1	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 35"	102° 40' 08"					F-48-49-B+50-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Nhừ 2	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 47"	102° 40' 38"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Nhừ Con	DC	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 53' 47"	102° 39' 48"					F-48-49-B+50-A
nặm Nhừ	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 52' 51"	102° 38' 11"	21° 54' 17"	102° 40' 58"			F-48-49-B+50-A
nặm Nhừ Con	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 55"	102° 38' 31"	21° 54' 45"	102° 40' 29"			F-48-49-B+50-A
nặm Pồ	TV	xã Nà Khoa	H. Nậm Pồ	21° 54' 29"	102° 42' 50"	21° 53' 21"	102° 42' 36"			F-48-50-D, F-48-50-B, F-48-49-B+50-A
nặm Chua	TV	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ			21° 47' 07"	102° 42' 44"	21° 51' 06"	102° 42' 19"	F-48-50-C
bản Huổi Đáp	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 51' 49"	102° 44' 30"					F-48-49-B+50-A
huổi Lái	TV	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ			21° 50' 19"	102° 43' 52"	21° 49' 42"	102° 44' 43"	F-48-49-B+50-A
bản Nậm Chua 2	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 48' 19"	102° 41' 10"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Chua 4	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 01"	102° 42' 33"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Chua 5	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 48' 25"	102° 42' 40"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Ngà 1	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 32"	102° 45' 46"					F-48-50-B
bản Nậm Ngà 2	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 50' 58"	102° 44' 32"					F-48-49-B+50-A
nặm Ngà	TV	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ			21° 50' 39"	102° 46' 36"	21° 50' 46"	102° 44' 54"	F-48-50-B
bản Phiêng Ngúa	DC	xã Nậm Chua	H. Nậm Pồ	21° 49' 57"	102° 44' 46"					F-48-49-B+50-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hồ Tâu	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 02' 49"	102° 54' 54"					F-48-38-D
núi Huổi Văng	SV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 05' 15"	102° 56' 03"					F-48-38-D
nặm Khăn	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			22° 01' 01"	102° 56' 13"	22° 00' 26"	102° 53' 56"	F-48-38-D
bản Nậm Khăn	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 00' 06"	102° 53' 53"					F-48-38-D
bản Nậm Pang	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	21° 59' 22"	102° 55' 30"					F-48-50-B
huổi Ngộp	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			22° 03' 08"	102° 54' 07"	22° 01' 59"	102° 52' 46"	F-48-38-D
huổi Noỏng	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			22° 03' 12"	102° 53' 38"	22° 03' 30"	102° 52' 23"	F-48-38-D
nặm Pang	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			21° 59' 34"	102° 57' 15"	21° 59' 56"	102° 54' 57"	F-48-38-D
nặm Phan	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			21° 59' 56"	102° 54' 57"	22° 00' 26"	102° 53' 56"	F-48-38-D
nặm Pồ	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			21° 59' 15"	102° 52' 17"	22° 04' 50"	102° 52' 39"	F-48-38-D
nặm Tâu	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			22° 02' 38"	102° 54' 52"	22° 01' 07"	102° 52' 33"	F-48-38-D
huổi Văng	TV	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ			22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 38"	F-48-38-D
bản Vằng Xôn	DC	xã Nậm Khăn	H. Nậm Pồ	22° 00' 51"	102° 52' 15"					F-48-38-D
bản Nậm Chua 1	DC	xã Nậm Nhừ	H. Nậm Pồ	21° 51' 56"	102° 40' 18"					F-48-49-B+50-A
bản Nậm Nhừ 3	DC	xã Nậm Nhừ	H. Nậm Pồ	21° 53' 22"	102° 38' 58"					F-48-49-B+50-A
huổi Can Hồ	TV	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ			21° 57' 45"	102° 43' 05"	21° 55' 53"	102° 44' 49"	F-48-49-B+50-A
bản Nậm Tin 1	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 52' 21"	102° 47' 20"					F-48-50-B
bản Nậm Tin 2	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 52' 14"	102° 48' 35"					F-48-50-B
bản Nậm Tin 3	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 53' 17"	102° 46' 32"					F-48-50-B
bản Nậm Tin 4	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 53' 58"	102° 46' 35"					F-48-50-B
huổi Tang	TV	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ			21° 57' 47"	102° 44' 31"	21° 56' 48"	102° 46' 32"	F-48-49-B+50-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tàng Do	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 55' 38"	102° 44' 24"					F-48-49-B+50-A
bản Văng Lếch	DC	xã Nậm Tin	H. Nậm Pồ	21° 56' 11"	102° 47' 00"					F-48-50-B
nặm Chà	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 01' 54"	102° 44' 29"	22° 05' 55"	102° 46' 39"	F-48-38-C
pu Huổi Pắng	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 47"	102° 43' 02"					F-48-38-C
bản Huổi Sâu	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 48"	102° 45' 17"					F-48-38-D
pu Huổi Sâu	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 04' 12"	102° 48' 01"					F-48-38-D
pu Huổi Tăm	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 05' 35"	102° 44' 18"					F-48-38-C
bản Lả Chà	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 04' 27"	102° 44' 46"					F-48-38-C
pu Na Tạo Mới	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 07"	102° 43' 40"					F-48-38-C
bản Pa Tần	DC	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 01' 43"	102° 45' 06"					F-48-38-D
huổi Sâu	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 04' 02"	102° 47' 34"	22° 04' 02"	102° 45' 00"	F-48-38-D
pu Tai Mao	SV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ	22° 03' 23"	102° 47' 36"					F-48-38-D
huổi Tăm	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 05' 47"	102° 43' 44"	22° 05' 11"	102° 44' 37"	F-48-38-C
nặm Thà Nà	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 00' 22"	102° 46' 51"	22° 02' 54"	102° 50' 16"	F-48-38-D
nặm Va	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 05' 55"	102° 46' 39"	22° 03' 38"	102° 51' 32"	F-48-38-D
huổi Van	TV	xã Pa Tần	H. Nậm Pồ			22° 04' 34"	102° 43' 18"	22° 05' 03"	102° 44' 35"	F-48-38-C
nặm Bai	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 52' 15"	102° 54' 22"	21° 51' 26"	102° 55' 11"	F-48-50-B
bản Chăn Nuôi	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 20"	102° 56' 25"					F-48-50-B
nặm Chim	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 51' 07"	102° 53' 19"	21° 49' 14"	102° 51' 59"	F-48-50-B
núi Chuyên Gia	SV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 28"	102° 57' 47"					F-48-50-B
bản Đệ Pua	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 58"	102° 52' 26"					F-48-50-B
bản Đệ Tinh 1	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 50' 19"	102° 56' 18"					F-48-50-B
bản Đệ Tinh 2	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 41"	102° 56' 07"					F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hăng Khang Say	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 51' 52"	102° 56' 09"	21° 51' 26"	102° 55' 11"	F-48-50-B
bản Mạy Hốc	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 51' 22"	102° 54' 32"					F-48-50-B
khe Mạy Hốc	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 50' 24"	102° 53' 57"	21° 51' 00"	102° 55' 16"	F-48-50-B
huổi Mẹo	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 48' 36"	102° 55' 17"	21° 49' 14"	102° 55' 14"	F-48-50-B
bản Mo Công	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 55"	102° 54' 26"					F-48-50-B
huổi Ôn	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 51' 55"	102° 53' 40"	21° 52' 15"	102° 54' 22"	F-48-50-B
bản Phìn Hồ	DC	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 52' 56"	102° 56' 38"					F-48-50-B
nặm Pồ	TV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ			21° 53' 18"	102° 50' 03"	21° 53' 56"	102° 54' 13"	F-48-50-B
núi Si Pa Phìn	SV	xã Phìn Hồ	H. Nậm Pồ	21° 49' 55"	102° 53' 26"					F-48-50-B
Đồn Biên phòng 417	KX	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 47' 22"	102° 57' 50"					F-48-50-B
nặm Chim	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 48' 40"	102° 52' 20"	21° 46'48"	102° 58' 45"	F-48-50-B
bản Long Dạo	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 47' 08"	102° 54' 27"					F-48-50-B
huổi Long Dạo	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 01"	102° 54' 36"	21° 47' 32"	102° 55' 23"	F-48-50-B
huổi Luông	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 46' 16"	102° 53' 24"	21° 45' 29"	102° 52' 24"	F-48-50-B
huổi Meo	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 49' 38"	102° 57' 07"	21° 48' 36"	102° 55' 17"	F-48-50-B
hồ Nậm Bai	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 47' 33"	102° 55' 33"					F-48-50-B
bản Nậm Chim 1	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 47' 40"	102° 57' 09"					F-48-50-B
bản Nậm Chim 2	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 46' 4"	102° 56' 10"					F-48-50-B
bản Phi Lĩnh	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 47' 31"	102° 58' 04"					F-48-50-B
huổi Phong	TV	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ			21° 47' 46"	102° 55' 02"	21° 47' 50"	102° 55' 28"	F-48-50-B
bản Sân Bay	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 48' 03"	102° 55' 37"					F-48-50-B
bản Tân Phong 1	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 45' 31"	102° 56' 35"					F-48-50-B
bản Tân Phong 2	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 45' 51"	102° 56' 24"					F-48-50-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Van Hồ	DC	xã Si Pa Phìn	H. Nậm Pồ	21° 46' 49"	102° 55' 40"					F-48-50-B
bản Ham Xoong 1	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 45' 36"	102° 42' 51"					F-48-49-B+50-A
bản Ham Xoong 2	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 45' 04"	102° 43' 38"					F-48-49-B+50-A
bản Huổi Dạo	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 41' 38"	102° 44' 29"					F-48-50-C
bản Huổi Khương	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 44' 01"	102° 43' 24"					F-48-50-C
huổi Khương	TV	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ			21° 46' 14"	102° 39' 31"	21° 44' 48"	102° 47' 03"	F-48-50-C, F-48-50-D
bản Lai Khoang	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 46' 02"	102° 46' 19"					F-48-50-B
bản Nộc Cốc	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 45' 42"	102° 44' 18"					F-48-49-B+50-A
bản Vàng Đán Dạo	DC	xã Vàng Đán	H. Nậm Pồ	21° 43' 21"	102° 45' 33"					F-48-50-D
tổ dân phố Đoàn Kết	DC	TT. Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	21° 51' 37"	103° 19' 59"					F-48-51-B
tổ dân phố Đồng Tâm	DC	TT. Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	21° 51' 32"	103° 20' 21"					F-48-51-B
tổ dân phố Thắng Lợi 1	DC	TT. Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	21° 51' 29"	103° 20' 29"					F-48-51-B
tổ dân phố Thắng Lợi 2	DC	TT. Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	21° 51' 20"	103° 20' 29"					F-48-51-B
tổ dân phố Thống Nhất	DC	TT. Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	21° 51' 34"	103° 20' 11"					F-48-51-B
Ba Phong	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 03' 30"	103° 25' 07"					F-48-39-D
Can Hồ	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 04' 47"	103° 24' 07"					F-48-39-D
huổi Can Hồ	TV	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa			22° 04' 06"	103° 23' 29"	22° 05' 02"	103° 24' 19"	F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa			22° 09' 17"	103° 21' 36"	22° 00' 35"	103° 27' 05"	F-48-39-D
thôn Háng Pàng	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 00' 50"	103° 24' 26"					F-48-39-D
thôn Huổi Ca	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 08' 39"	103° 22' 21"					F-48-39-D
thôn Huổi Loóng	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 07' 47"	103° 23' 56"					F-48-39-D
thôn Huổi Ngài	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 06' 45"	103° 22' 51"					F-48-39-D
thôn Huổi Só 1	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 02' 29"	103° 25' 50"					F-48-39-D
thôn Huổi Só 2	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 02' 29"	103° 25' 58"					F-48-39-D
núi Mo Bai	SV	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 04' 47"	103° 23' 23"					F-48-39-D
thôn Pê Răng Ky	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 05' 23"	103° 24' 37"					F-48-39-D
thôn Tù Cha	DC	xã Huổi Só	H. Tủa Chùa	22° 01' 37"	103° 26' 00"					F-48-39-D
thôn 1	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	22° 00' 37"	103° 18' 01"					F-48-39-D
thôn 2	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	22° 00' 25"	103° 18' 13"					F-48-39-D
thôn 3	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	22° 00' 00"	103° 18' 16"					F-48-51-B, F-48-39-D
thôn Cáng Phình	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	21° 59' 36"	103° 17' 19"					F-48-51-B
nhóm Chế Cô Nhe	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	21° 58' 45"	103° 17' 49"					F-48-51-B
thôn Chẻo Chử Phình	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	21° 58' 57"	103° 16' 58"					F-48-51-B
nhóm Háng Đây Tơ	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	21° 58' 46"	103° 17' 29"					F-48-51-B
thôn Lầu Câu Phình	DC	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa	22° 00' 51"	103° 19' 28"					F-48-39-D
nặm Mức	TV	xã Lao Xả Phình	H. Tủa Chùa			21° 57' 14"	103° 15' 43"	22° 02' 33"	103° 17' 11"	F-48-51-B F-48-39-D
thôn Đội 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 08"	103° 21' 00"					F-48-51-B
thôn Đội 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 56"	103° 21' 02"					F-48-51-B
thôn Đội 3	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 02"	103° 20' 30"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đội 4	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 16"	103° 20' 50"					F-48-51-B
thôn Đội 5	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 33"	103° 21' 23"					F-48-51-B
thôn Đội 6	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 12"	103° 21' 31"					F-48-51-B
thôn Đội 7	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 44"	103° 21' 39"					F-48-51-B
thôn Đội 8	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 54"	103° 20' 32"					F-48-51-B
thôn Đội 9	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 35"	103° 20' 25"					F-48-51-B
thôn Đông Phi 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 37"	103° 19' 10"					F-48-51-B
thôn Đông Phi 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 52' 13"	103° 20' 24"					F-48-51-B
thôn Háng Tớ Mang	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 08"	103° 18' 20"					F-48-51-B
thôn Háng Trở 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 35"	103° 21' 34"					F-48-51-B
thôn Háng Trở 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 47"	103° 21' 22"					F-48-51-B
thôn Huổi Lếch	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 51' 14"	103° 19' 11"					F-48-51-B
thôn Kế Cải	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 35"	103° 20' 09"					F-48-51-B
nhóm Kế Kẹ	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 37"	103° 22' 11"					F-48-51-B
nặm Mu	TV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa			21° 47' 09"	103° 21' 19"	21° 47' 17"	103° 19' 45"	F-48-51-B
nặm Mức	TV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa			21° 48' 24"	103° 18' 05"	21° 52' 04"	103° 17' 29"	F-48-51-B
thôn Nà Áng	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 07"	103° 18' 26"					F-48-51-B
pu Ngấn	SV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 02"	103° 21' 55"					F-48-51-B
pu Pau	SV	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 34"	103° 18' 28"					F-48-51-B
thôn Phiêng Bung	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 08"	103° 22' 33"					F-48-51-B
thôn Pú Ôn	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 34"	103° 19' 06"					F-48-51-B
thôn Sông Ún	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 50' 13"	103° 19' 31"					F-48-51-B
thôn Từ Ngài 1	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 49' 06"	103° 20' 49"					F-48-51-B
thôn Từ Ngài 2	DC	xã Mường Báng	H. Tủa Chùa	21° 48' 47"	103° 20' 22"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đề Tâu	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 55' 00"	103° 27' 54"					F-48-51-B
bản Đun	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 53' 35"	103° 27' 35"					F-48-51-B
bản Đun Nưa	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 54' 36"	103° 28' 00"					F-48-51-B
bản Hột	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 52' 40"	103° 28' 40"					F-48-51-B
bản Kép	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 52' 29"	103° 28' 50"					F-48-51-B
huổi Luông	TV	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa			21° 51' 53"	103° 28' 56"	21° 52' 58"	103° 28' 47"	F-48-51-B
bản Nà Sa	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 52' 33"	103° 27' 23"					F-48-51-B
bản Pá Ỏ	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 55' 18"	103° 26' 55"					F-48-51-B
núi Pám Păng	SV	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 51' 25"	103° 29' 40"					F-48-51-B
núi Ten Sang	SV	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 52' 03"	103° 28' 49"					F-48-51-B
bản Túc	DC	xã Mường Đun	H. Tủa Chùa	21° 51' 22"	103° 28' 39"					F-48-51-B
huổi Can Hồ	TV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 06"	103° 23' 29"	22° 04' 27"	103° 23' 51"	F-48-39-D
thôn Cáng Chua 1	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 36"	103° 19' 25"					F-48-39-D
thôn Cáng Chua 2	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 08' 02"	103° 19' 24"					F-48-39-D
thôn Cáng Tỷ	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 02' 59"	103° 20' 09"					F-48-39-D
thôn Chế Cu Nhe	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 29"	103° 18' 36"					F-48-39-D
núi Chua Sai	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 47"	103° 23' 23"					F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 31"	103° 16' 16"	22° 00' 35"	103° 27' 05"	F-48-39-D
nhóm Háng Cờ	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 40"	103° 19' 13"					F-48-39-D
núi Háng Dê Dàng	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 03' 51"	103° 19' 48"					F-48-39-D
thôn Háng Khúa	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 07' 28"	103° 21' 37"					F-48-39-D
thôn Háng Là	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 30"	103° 21' 25"					F-48-39-D
thôn Hấu Chua	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 39"	103° 20' 00"					F-48-39-D
thôn Lổng Xử Phình	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 08"	103° 19' 20"					F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mảng Chiềng	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 56"	103° 19' 34"					F-48-39-D
huổi No Ke	TV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa			22° 07' 29"	103° 21' 38"	22° 09' 17"	103° 21' 36"	F-48-39-D
núi Pàng Dề	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 22"	103° 20' 51"					F-48-39-D
nhóm Phàng Mẩu Phình	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 03"	103° 21' 15"					F-48-39-D
nhóm Phua Phùng	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 36"	103° 18' 20"					F-48-39-D
núi Phua Phùng	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 01"	103° 18' 06"					F-48-39-D
núi Sá Nhù	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 54"	103° 20' 23"					F-48-39-D
nhóm Sáng Tớ	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 06' 43"	103° 21' 14"					F-48-39-D
suối Séo Mí Chải	TV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa			22° 04' 50"	103° 21' 59"	22° 05' 59"	103° 22' 40"	F-48-39-D
thôn Séo Mí Chải 1	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 40"	103° 22' 19"					F-48-39-D
thôn Sín Chải	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 15"	103° 19' 33"					F-48-39-D
thôn Trung Gầu Bua	DC	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 05' 25"	103° 21' 36"					F-48-39-D
núi Trung Hấu Chua	SV	xã Sín Chải	H. Tủa Chùa	22° 04' 59"	103° 20' 36"					F-48-39-D
suối Chiếu Tính	TV	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa			21° 56' 37"	103° 22' 05"	21° 56' 54"	103° 20' 39"	F-48-51-B
thôn Dê Dàng I	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 19"	103° 19' 51"					F-48-51-B
thôn Dê Dàng II	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 01"	103° 19' 46"					F-48-51-B
thôn Đề Dê Hu	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 51"	103° 21' 15"					F-48-51-B
thôn Háng Đờ Dê I	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 56' 12"	103° 22' 12"					F-48-51-B
thôn Háng Đờ Dê II	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 49"	103° 22' 10"					F-48-51-B
thôn I	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 31"	103° 20' 44"					F-48-51-B
thôn II	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 12"	103° 19' 57"					F-48-51-B
thôn III	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 57"	103° 20' 30"					F-48-51-B
thôn Phi Dinh I	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 43"	103° 19' 58"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phi Dinh II	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 52"	103° 19' 33"					F-48-51-B
thôn Phiêng Báng	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 54' 07"	103° 23' 30"					F-48-51-B
thôn Tà Là Cáo	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 53' 40"	103° 20' 09"					F-48-51-B
thôn Ta Pao	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 27"	103° 21' 31"					F-48-51-B
thôn Trại Trường	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 55' 44"	103° 20' 49"					F-48-51-B
thôn Vàng Chua	DC	xã Sính Phình	H. Tủa Chùa	21° 52' 29"	103° 18' 30"					F-48-51-B
suối Chiếu Tính	TV	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa			21° 56' 37"	103° 22' 05"	21° 57' 28"	103° 20' 46"	F-48-51-B
hang Chiếu Tính	KX	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 56' 36"	103° 21' 16"					F-48-51-B
thôn Cù Dỉ Sang	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 48"	103° 19' 33"					F-48-51-B
thôn Háng Sung I	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 57' 18"	103° 21' 22"					F-48-51-B
thôn Háng Sung II	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 57' 48"	103° 21' 26"					F-48-51-B
thôn Là Sa	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 58' 32"	103° 22' 18"					F-48-51-B
nhóm Phu Chi	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 01' 17"	103° 22' 56"					F-48-39-D
thôn Tà Dê	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 41"	103° 21' 51"					F-48-39-D
núi Tả Phìn	SV	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 56"	103° 22' 27"					F-48-51-B
thôn Tả Phìn I	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 35"	103° 21' 50"					F-48-51-B
thôn Tả Phìn II	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 19"	103° 22' 15"					F-48-51-B
thôn Tào Cu Nhe	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	21° 59' 07"	103° 21' 00"					F-48-51-B
thôn Tủa Chử Phồng	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 13"	103° 20' 43"					F-48-39-D
thôn Xéo Phình	DC	xã Tả Phìn	H. Tủa Chùa	22° 00' 12"	103° 21' 43"					F-48-39-D
thôn Háng Chơ	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 25"	103° 20' 38"					F-48-39-D
thôn Hàng Sùa	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 30"	103° 22' 01"					F-48-39-D
thôn Lằng Sảng 1	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 03' 21"	103° 19' 05"					F-48-39-D
thôn Lằng Sảng 2	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 22"	103° 19' 44"					F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Năm Quan	SV	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 11"	103° 24' 33"					F-48-39-D
thôn Páo Tỉnh Làng 1	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 22"	103° 23' 42"					F-48-39-D
thôn Páo Tỉnh Làng 2	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 02' 35"	103° 22' 07"					F-48-39-D
thôn Tả Sìn Thàng	DC	xã Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	22° 01' 47"	103° 20' 05"					F-48-39-D
thôn Bản Phô	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 18"	103° 17' 47"					F-48-51-B
thôn Đề Bâu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 53' 22"	103° 17' 45"					F-48-51-B
thôn Háng Cu Tâu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 58' 07"	103° 19' 13"					F-48-51-B
thôn Mô Lô Tổng	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 42"	103° 19' 02"					F-48-51-B
nặm Mức	TV	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa			21° 52' 56"	103° 17' 23"	21° 57' 14"	103° 15' 43"	F-48-51-B
Nhè Xua Háng	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 10"	103° 18' 25"					F-48-51-B
Phình Hồ Ke	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 57' 01"	103° 18' 35"					F-48-51-B
Pô Ca Dao	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 45"	103° 17' 33"					F-48-51-B
Trung Phàng Khổ	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 55' 37"	103° 17' 39"					F-48-51-B
Trung Thu	DC	xã Trung Thu	H. Tủa Chùa	21° 56' 02"	103° 17' 56"					F-48-51-B
sông Đà	TV	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa			22° 00' 35"	103° 27' 05"	21° 57' 23"	103° 30' 14"	F-48-39-D F-48-51-B F-48-52-A
thôn Đề Chu	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 59' 19"	103° 24' 34"					F-48-51-B
thôn Làng Vùa I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 09"	103° 27' 01"					F-48-51-B
thôn Làng Vùa II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 07"	103° 26' 34"					F-48-51-B
thôn Phi Giàng I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 57' 35"	103° 28' 25"					F-48-51-B
thôn Phi Giàng II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 47"	103° 29' 34"					F-48-51-B
thôn Tà Huổi Tráng I	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 55' 55"	103° 24' 57"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tà Huổi Tráng II	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 56' 21"	103° 25' 10"					F-48-51-B
thôn Tủa Thàng	DC	xã Tủa Thàng	H. Tủa Chùa	21° 57' 29"	103° 27' 28"					F-48-51-B
thôn Bản Hẹ I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 51"	103° 25' 42"					F-48-51-B
thôn Bản Hẹ II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 21"	103° 26' 18"					F-48-51-B
thôn Bản Lịch I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 55' 05"	103° 24' 19"					F-48-51-B
thôn Bản Lịch II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 55' 12"	103° 25' 20"					F-48-51-B
nhóm Háng Chua	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 50' 28"	103° 25' 53"					F-48-51-B
háng Khúa	TV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa			21° 52' 03"	103° 26' 16"	21° 52' 44"	103° 24' 51"	F-48-51-B
thôn Pằng Dề A1	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 59"	103° 25' 01"					F-48-51-B
thôn Pằng Dề A2	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 41"	103° 25' 22"					F-48-51-B
thôn Pằng Dề B	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 53' 09"	103° 25' 20"					F-48-51-B
thôn Pằng Nhăng	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 55"	103° 26' 28"					F-48-51-B
thôn Phiêng Quảng	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 08"	103° 23' 29"					F-48-51-B
núi Pôm Pằng	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 50' 34"	103° 28' 01"					F-48-51-B
núi Sính Sử	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 07"	103° 23' 03"					F-48-51-B
thôn Sính Sủ I	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 51"	103° 23' 39"					F-48-51-B
thôn Sính Sủ II	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 31"	103° 23' 26"					F-48-51-B
thôn Sông A	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 03"	103° 27' 26"					F-48-51-B
núi Sủa Lòng	SV	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 51' 10"	103° 24' 28"					F-48-51-B
thôn Tỉnh B	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 52' 18"	103° 25' 27"					F-48-51-B
thôn Trung Dù	DC	xã Xá Nhè	H. Tủa Chùa	21° 54' 52"	103° 24' 58"					F-48-51-B
bản Chiềng Chung	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 14"	103° 25' 21"					F-48-51-D
bản Chiềng Khoang	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 03"	103° 25' 18"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khối Đoàn Kết	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 05"	103° 24' 35"					F-48-51-D
bản Đông	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 16"	103° 24' 38"					F-48-51-D
khối Đồng Tâm	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 52"	103° 24' 15"					F-48-51-D
khối Huổi Củ	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 45"	103° 25' 04"					F-48-51-D
bản Huổi Hạ	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 46"	103° 23' 29"					F-48-51-D
bản Lập	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 05"	103° 24' 08"					F-48-51-D
bản Nong	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 26"	103° 25' 25"					F-48-51-D
khối Sơn Thủy	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 00"	103° 24' 59"					F-48-51-D
đèo Ta Cơn	SV	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 34' 40"	103° 23' 44"					F-48-51-D
khối Tân Giang	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 30"	103° 25' 03"					F-48-51-D
khối Tân Thủy	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 13"	103° 25' 10"					F-48-51-D
khối Tân Tiến	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 44"	103° 25' 27"					F-48-51-D
khối Thắng Lợi	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 50"	103° 25' 23"					F-48-51-D
khối Trường Xuân	DC	TT. Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	21° 35' 11"	103° 24' 51"					F-48-51-D
quốc lộ 279	KX	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo			21° 31' 19"	103° 21' 23"	21° 34' 34"	103° 23' 25"	F-48-51-D
bản Bó	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 18"	103° 21' 28"					F-48-51-D
bản Cộng	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 03"	103° 21' 28"					F-48-51-D
núi Huổi Lụ	SV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 38"	103° 23' 30"					F-48-51-D
nậm Lụ	TV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo			21° 30' 53"	103° 23' 30"	21° 31' 53"	103° 22' 13"	F-48-51-D
bản Ly Sôm	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 36"	103° 22' 22"					F-48-51-D
bản Phang	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 44"	103° 21' 05"					F-48-51-D
núi Thẩm Bó	SV	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 30' 37"	103° 21' 33"					F-48-51-D
bản Vánh I	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 32' 07"	103° 22' 09"					F-48-51-D
bản Vánh II	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 59"	103° 22' 04"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Vánh III	DC	xã Chiềng Đông	H. Tuần Giáo	21° 31' 48"	103° 22' 04"					F-48-51-D
bản Chăn	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 23"	103° 21' 42"					F-48-63-B
bản Che Phai I	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 02"	103° 22' 07"					F-48-51-D
bản Che Phai II	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 54"	103° 21'56"					F-48-51-D
bản Chiềng An	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 34"	103° 23' 05"					F-48-51-D
bản Dửn	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 54"	103° 21' 28"					F-48-51-D
bản Hiệu	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 02"	103° 21' 32"					F-48-51-D
nậm Húa	TV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo			21° 34' 23"	103° 21' 59"	21° 30' 43"	103° 21' 14"	F-48-51-D
nậm Hua Chăn	TV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo			21° 29' 32"	103° 23' 15"	21° 29' 23"	103° 21' 37"	F-48-63-B
bản Hua Nạ	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 53"	103° 22' 57"					F-48-63-B
bản Kép	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 33' 27"	103° 22' 01"					F-48-51-D
bản Nôm	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 54"	103° 21' 23"					F-48-63-B
núi Púa	SV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 16"	103° 20' 46"					F-48-63-B
bản Tà Cơn	DC	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 34' 22"	103° 22' 50"					F-48-51-D
núi Thẩm Hon Trúc	SV	xã Chiềng Sinh	H. Tuần Giáo	21° 29' 20"	103° 24' 28"					F-48-63-B
dãy núi Pú Kiến	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 09"	103° 24' 41"					F-48-51-D
quốc lộ 6A	KX	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo			21° 41' 19"	103° 24' 24"	21° 45' 04"	103° 22' 53"	F-48-51-B
bản Bo Lếch	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 30"	103° 23' 57"					F-48-51-D
bản Chiềng Ban	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 43' 35"	103° 23' 29"					F-48-51-D
bản Co Sản	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 46' 15"	103° 21' 35"					F-48-51-B
đèo Hoa	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 41' 20"	103° 24' 24"					F-48-51-D
bản Hú Cang	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 44' 12"	103° 23' 26"					F-48-51-D
bản Huổi Cáy 1	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 43' 06"	103° 22' 52"					F-48-51-D
bản Huổi Lóng	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 45' 14"	103° 22' 54"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Huổi Lóng	SV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 44' 37"	103° 23' 12"					F-48-51-D
nặm Mu	TV	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo			21° 44' 55"	103° 24' 38"	21° 47' 09"	103° 21' 19"	F-48-51-B
bản Phiêng Pẻn	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 45' 07"	103° 21' 52"					F-48-51-B
bản Ta Lếch	DC	xã Mùn Chung	H. Tuần Giáo	21° 42' 50"	103° 23' 50"					F-48-51-D
bản Co Đứa	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 15"	103° 18' 12"					F-48-51-D
bản Hua Sát	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 38' 33"	103° 13' 47"					F-48-51-C
bản Huổi La	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 39' 44"	103° 17' 10"					F-48-51-D
bản Huổi Nôm	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 38' 48"	103° 16' 03"					F-48-51-D
bản Khong Nưa	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 54"	103° 18' 06"					F-48-51-D
bản Khong Tở	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 35' 59"	103° 18' 33"					F-48-51-D
huổi La	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 40' 32"	103° 15' 43"	21° 38' 17"	103° 16' 56"	F-48-51-D
huổi Mấu	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 39' 16"	103° 18' 14"	21° 38' 17"	103° 16' 56"	F-48-51-D
núi Pha Vì	SV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 35' 54"	103° 17' 09"					F-48-51-D
bản Phai Mướng	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 36' 15"	103° 18' 23"					F-48-51-D
bản Phiêng Hin	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 37' 56"	103° 15' 52"					F-48-51-D
huổi Quân	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 38' 31"	103° 18' 50"	21° 36' 51"	103° 18' 01"	F-48-51-D
nậm Sát	TV	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo			21° 38' 04"	103° 12' 25"	21° 34' 23"	103° 21' 59"	F-48-51-D
bản Thẳm Tảng	DC	xã Mường Khong	H. Tuần Giáo	21° 40' 23"	103° 13' 15"					F-48-51-C
quốc lộ 6A	KX	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 44' 51"	103° 21' 15"	21° 48' 20"	103° 18' 00"	F-48-51-D, F-48-51-B
bản Gia Bọp	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 41' 34"	103° 20' 56"					F-48-51-D
bản Hốc	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 22"	103° 20' 15"					F-48-51-D
bản Hỏm	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 10"	103° 20' 25"					F-48-51-D
bản Hồng Phong	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 55"	103° 20' 48"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Cáy	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 41"	103° 22' 28"					F-48-51-D
bản Huổi Lốt	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 47' 13"	103° 19' 04"					F-48-51-B
thác Huổi Sái Lương	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 24"	103° 19' 38"					F-48-51-D
bản Khạ	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 22"	103° 19' 49"					F-48-51-B
bản Lúm	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 52"	103° 20' 25"					F-48-51-D
nặm Mu	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 47' 09"	103° 21' 19"	21° 48' 25"	103° 18' 06"	F-48-51-B
nặm Mùn	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 41' 07"	103° 17' 46"	21° 43' 48"	103° 20' 42"	F-48-51-D
bản Mường I	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 30"	103° 20' 46"					F-48-51-D
bản Mường II	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 22"	103° 20' 50"					F-48-51-D
bản Mường III	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 44' 18"	103° 20' 58"					F-48-51-D
bản Ná Chua	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 42' 30"	103° 21' 38"					F-48-51-D
suối Ná Chua	TV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo			21° 41' 21"	103° 21' 40"	21° 43' 48"	103° 20' 42"	F-48-51-D
pú Pau	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 48' 34"	103° 18' 27"					F-48-51-B
pú Piến	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 47"	103° 20' 53"					F-48-51-B
bản Pú Piến	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 46' 39"	103° 20' 12"					F-48-51-B
bản Ta Pao	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 47' 59"	103° 18' 31"					F-48-51-B
đèo Tốc Tiến	SV	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 45' 29"	103° 19' 51"					F-48-51-B
bản Xuân Tươi	DC	xã Mường Mùn	H. Tuần Giáo	21° 43' 35"	103° 20' 46"					F-48-51-D
nậm Cong	TV	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo			21° 37' 29"	103° 21' 02"	21° 36' 04"	103° 20' 41"	F-48-51-D
bản Đông Thấp	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 40' 46"	103° 21' 20"					F-48-51-D
bản Hốc	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 36' 41"	103° 21' 30"					F-48-51-D
bản Khai Hoang	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 38' 11"	103° 21' 12"					F-48-51-D
bản Muông	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 38' 47"	103° 21' 16"					F-48-51-D
dãy núi Pu Bút	SV	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 39' 18"	103° 23' 22"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thín A	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 37' 40"	103° 21' 12"					F-48-51-D
bản Thín B	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 37' 38"	103° 20' 53"					F-48-51-D
bản Yên	DC	xã Mường Thín	H. Tuần Giáo	21° 39' 04"	103° 21' 15"					F-48-51-D
bản Hong Lực	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 58"	103° 19' 41"					F-48-51-D
suối Hong Tráng	TV	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo			21° 35' 04"	103° 21' 37"	21° 34' 27"	103° 21' 49"	F-48-51-D
bản Kéo Lạ	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 27"	103° 20' 57"					F-48-51-D
bản Nà Sáy I	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 37"	103° 21' 18"					F-48-51-D
bản Nà Sáy II	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 34' 42"	103° 21' 39"					F-48-51-D
bản Nặm Cá	DC	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo	21° 35' 55"	103° 20' 30"					F-48-51-D
huổi Sáy	TV	xã Nà Sáy	H. Tuần Giáo			21° 36' 03"	103° 22' 45"	21° 34' 29"	103° 21' 13"	F-48-51-D
nặm Bay	TV	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo			21° 49' 49"	103° 23' 11"	21° 47' 34"	103° 23' 46"	F-48-51-B
bản Co Muông	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 47' 41"	103° 25' 04"					F-48-51-B
bản Co Phát	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 48' 07"	103° 22' 12"					F-48-51-B
núi Háng Pang	SV	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 48' 27"	103° 25' 32"					F-48-51-B
núi Hiêu Ma	SV	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 48' 27"	103° 24' 46"					F-48-51-B
bản Nà Tòng	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 48' 17"	103° 23' 18"					F-48-51-B
pú Ngân	SV	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 48' 31"	103° 21' 48"					F-48-51-B
bản Pá Cá	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 47' 13"	103° 23' 02"					F-48-51-B
bản Pá Tong	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 47' 48"	103° 23' 22"					F-48-51-B
pú Sung	SV	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 46' 41"	103° 25' 10"					F-48-51-B
bản Xá Nhè	DC	xã Nà Tòng	H. Tuần Giáo	21° 46' 55"	103° 24' 49"					F-48-51-B
bản Háng Chua	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 50' 03"	103° 25' 44"					F-48-51-B
bản Háng Khúa	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 48' 26"	103° 28' 29"					F-48-51-B
suối Háng Khúa	TV	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo			21° 49' 48"	103° 29' 23"	21° 49' 16"	103° 29' 37"	F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khua Trá	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 54"	103° 29' 01"					F-48-51-B
bản Mý Làng A	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 48' 05"	103° 27' 11"					F-48-51-B
bản Mý Làng B	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 18"	103° 26' 21"					F-48-51-B
bản Nậm Din	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 46' 58"	103° 28' 22"					F-48-51-B
bản Phiêng Cải	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 46' 59"	103° 29' 49"					F-48-51-B
bản Phiêng Hoa	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 07"	103° 29' 58"					F-48-51-B
bản Phình Sáng	DC	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 49' 22"	103° 29' 20"					F-48-51-B
núi Xá Linh	SV	xã Phình Sáng	H. Tuần Giáo	21° 50' 04"	103° 28' 05"					F-48-51-B
suối Bản Chăn	TV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo			21° 39' 26"	103° 28' 00"	21° 41' 50"	103° 26' 46"	F-48-51-D
núi Chua Đà	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 43' 48"	103° 28' 20"					F-48-51-D
núi Chua Lồng	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 26"	103° 28' 05"					F-48-51-D
bản Chua Lú	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 43' 07"	103° 28' 59"					F-48-51-D
núi Chủa Mình	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 26"	103° 26' 11"					F-48-51-D
núi Chua Nhè	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 45"	103° 28' 02"					F-48-51-D
bản Đề Chia	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 41' 15"	103° 27' 03"					F-48-51-D
bản Khó Bua	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 21"	103° 27' 24"					F-48-51-D
núi Nòng Lếnh	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 40' 19"	103° 26' 44"					F-48-51-D
bản Phiêng Pi	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 06"	103° 25' 47"					F-48-51-D
bản Tênh Lá	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 44"	103° 25' 09"					F-48-51-D
phu Tia	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 42' 37"	103° 27' 10"					F-48-51-D
bản Trung Dình	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 44' 33"	103° 24' 29"					F-48-51-D
núi Tự Xa	SV	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 44' 05"	103° 26' 52"					F-48-51-D
bản Xá Tự	DC	xã Pú Nhung	H. Tuần Giáo	21° 39' 52"	103° 27' 54"					F-48-51-D
bản Hát Khoang	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 48' 00"	103° 17' 49"					F-48-51-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hua Mức 1	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 46' 01"	103° 16' 14"					F-48-51-B
bản Hua Mức 2	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 45' 37"	103° 16' 27"					F-48-51-B
bản Hua Mức 3	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 44' 23"	103° 15' 16"					F-48-51-D
bản Hua Mùn	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 43' 12"	103° 17' 18"					F-48-51-D
nặm Mức	TV	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 48' 25"	103° 18' 06"	21° 43' 07"	103° 09' 44"	F-48-51-B F-48-51-A F-48-51-C
cầu Nặm Mức	KX	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 48' 20"	103° 18' 00"					F-48-51-B
suối Pú Nhung Họ	TV	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo			21° 38' 39"	103° 09' 28"	21° 42' 54"	103° 13' 02"	F-48-51-C
bản Pú Xi 1	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 44' 49"	103° 17' 09"					F-48-51-D
bản Pú Xi 2	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 44' 19"	103° 15' 41"					F-48-51-D
bản Thẳm Mú	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 42' 32"	103° 12' 58"					F-48-51-C
nhóm Thẳm Pung	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 42' 36"	103° 17' 47"					F-48-51-D
bản Thẳm Táng	DC	xã Pú Xi	H. Tuần Giáo	21° 41' 17"	103° 14' 31"					F-48-51-C
bản Ban	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 03"	103° 27' 00"					F-48-51-D
bản Cắm	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 21"	103° 26' 02"					F-48-51-D
pú Cắm	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 11"	103° 28' 03"					F-48-51-D
bản Cản	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 26"	103° 25' 53"					F-48-51-D
bản Cón	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 12"	103° 25' 57"					F-48-51-D
bản Coong	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 48"	103° 26' 56"					F-48-51-D
bản Cưởm	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 35"	103° 26' 15"					F-48-51-D
bản Cuông	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 20"	103° 26' 27"					F-48-51-D
bản Giăng	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 58"	103° 26' 14"					F-48-51-D
bản Hán	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 46"	103° 25' 37"					F-48-51-D
bản Hin	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 55"	103° 26' 20"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kệt	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 07"	103° 26' 25"					F-48-51-D
pú Kệt	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 05"	103° 28' 06"					F-48-51-D
bản Khá	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 38' 00"	103° 24' 54"					F-48-51-D
bản Một	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 35"	103° 26' 11"					F-48-51-D
bản Ná Mu	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 49"	103° 25' 53"					F-48-51-D
bản Nát	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 36"	103° 25' 50"					F-48-51-D
bản Phủ	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 38' 15"	103° 25' 08"					F-48-51-D
bản Phung	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 37' 45"	103° 25' 12"					F-48-51-D
dãy núi Pú Bút	SV	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 39' 18"	103° 23' 22"					F-48-51-D
bản Sái Ngoài	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 18"	103° 25' 42"					F-48-51-D
bản Sái Trong	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 10"	103° 25' 27"					F-48-51-D
bản Sáng	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 59"	103° 26' 09"					F-48-51-D
bản Sảo	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 36' 42"	103° 26' 21"					F-48-51-D
bản Ten Cá	DC	xã Quài Cang	H. Tuần Giáo	21° 35' 41"	103° 26' 49"					F-48-51-D
quốc lộ 6	KX	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo			103° 24' 24"	21° 41' 19"	21° 38' 05"	103° 26' 28"	F-48-51-D
suối Bản Chăn	TV	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo			21° 37' 46"	103° 29' 28"	21° 39' 26"	103° 28' 00"	F-48-51-D
bản Bó	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 40' 08"	103° 25' 16"					F-48-51-D
bản Cang	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 40' 57"	103° 24' 39"					F-48-51-D
bản Chá	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 40' 37"	103° 25' 13"					F-48-51-D
bản Chăn	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 38' 07"	103° 28' 42"					F-48-51-D
bản Cọ	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 38' 39"	103° 26' 17"					F-48-51-D
bản Co Muông	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 12"	103° 28' 34"					F-48-51-D
bản Củ	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 41' 06"	103° 24' 55"					F-48-51-D
bản Giáng	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 31"	103° 26' 00"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
trại Giống	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 36"	103° 27' 07"					F-48-51-D
bản Lọng Trạng	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 38' 38"	103° 28' 26"					F-48-51-D
bản Mạ Khúa	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 44"	103° 24' 46"					F-48-51-D
bản Minh Thắng	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 07"	103° 26' 28"					F-48-51-D
bản Noong Giáng	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 47"	103° 25' 29"					F-48-51-D
bản Noong Liếng	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 47"	103° 27' 21"					F-48-51-D
núi Pha Mu	SV	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 38' 52"	103° 28' 31"					F-48-51-D
núi Pha Nàng	SV	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 38' 52"	103° 29' 11"					F-48-51-D
dãy núi Pú Bút	SV	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 39' 18"	103° 23' 22"					F-48-51-D
núi Pú Nhung	SV	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 40' 19"	103° 29' 26"					F-48-51-D
bản Quang Vinh	DC	xã Quài Nưa	H. Tuần Giáo	21° 40' 50"	103° 25' 44"					F-48-51-D
quốc lộ 6A	KX	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 34' 57"	103° 25' 12"	21° 34' 23"	103° 28' 52"	F-48-51-D
bản Ban	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 28"	103° 25' 22"					F-48-51-D
bản Băng	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 41"	103° 25' 07"					F-48-51-D
bản Biếng	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 18"	103° 25' 14"					F-48-51-D
bản Bông	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 25' 23"					F-48-51-D
nặm Ca	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 33' 59"	103° 27' 06"	21° 33' 57"	103° 25' 38"	F-48-51-D
bản Chấng	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 43"	103° 25' 28"					F-48-51-D
bản Chính	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 52"	103° 28' 23"					F-48-51-D
bản Có	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 43"	103° 28' 14"					F-48-51-D
bản Én	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 59"	103° 25' 37"					F-48-51-D
bản Hới Cuông	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 31"	103° 25' 58"					F-48-51-D
bản Hới Nọ I	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 45"	103° 25' 38"					F-48-51-D
bản Hới Nọ II	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 32' 35"	103° 25' 43"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hua Ca	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 32"	103° 28' 53"					F-48-51-D
huổi Khắt	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 34' 41"	103° 27' 41"	21° 33' 59"	103° 27' 03"	F-48-51-D
bản Lạ	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 40"	103° 27' 59"					F-48-51-D
huổi Lạ	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 34' 36"	103° 28' 35"	21° 33' 49"	103° 27' 51"	F-48-51-D
bản Lé	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 49"	103° 26' 49"					F-48-51-D
bản Lói	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 34"	103° 27' 03"					F-48-51-D
nặm Lú	TV	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo			21° 32' 35"	103° 25' 48"	21° 33' 57"	103° 25' 38"	F-48-51-D
bản Món	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 08"	103° 25' 54"					F-48-51-D
bản Na Hốc	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 52"	103° 25' 42"					F-48-51-D
bản Ngúa Ngoài	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 27' 50"					F-48-51-D
bản Ngúa Trong	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 48"	103° 27' 38"					F-48-51-D
bản Pom Ban	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 34' 12"	103° 25' 42"					F-48-51-D
bản Xôm	DC	xã Quài Tở	H. Tuần Giáo	21° 33' 59"	103° 26' 18"					F-48-51-D
suối Bon	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 45' 23"	103° 28' 22"	21° 44' 54"	103° 27' 43"	F-48-51-D
bản Bon A	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 33"	103° 28' 17"					F-48-51-B
bản Bon B	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 46' 13"	103° 27' 54"					F-48-51-B
bản Háng A	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 52"	103° 24' 31"					F-48-51-B
núi Háng Đông Đàng	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 49' 34"	103° 30' 46"					F-48-52-A
suối Háng Pàng	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 46' 32"	103° 27' 32"	21° 45' 15"	103° 27' 18"	F-48-51-B
núi Hang Vừng	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 47' 31"	103° 29' 36"					F-48-51-B
núi Lạng Trạng	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 44' 26"	103° 26' 36"					F-48-51-D
bản Món	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 13"	103° 25' 20"					F-48-51-B
nậm Mu	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 45' 15"	103° 27' 18"	21° 44' 55"	103° 24' 38"	F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mý Làng	TV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo			21° 48' 32"	103° 26' 45"	21° 48' 36"	103° 26' 18"	F-48-51-B
bản Nậm Mu	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 40"	103° 26' 02"					F-48-51-B
bản Noong Luông	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 06"	103° 28' 28"					F-48-51-B
núi Pôm Pằng	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 50' 344"	103° 28' 01"					F-48-51-B
bản Rạng Đông	DC	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 45' 30"	103° 26' 10"					F-48-51-B
núi Trung Chủ	SV	xã Rạng Đông	H. Tuần Giáo	21° 48' 49"	103° 28' 51"					F-48-51-B
núi Hai Căn	SV	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 42' 05"	103° 30' 42"					F-48-52-C
bản Háng Chua	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 43' 55"	103° 31' 29"					F-48-52-C
bản Kề Cải	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 41' 40"	103° 33' 00"					F-48-52-C
núi Kha Tau	SV	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 44' 53"	103° 31' 26"					F-48-52-C
núi Khó Chua	SV	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 43' 48"	103° 30' 16"					F-48-52-C
bản Nà Đáng	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 43' 18"	103° 32' 32"					F-48-52-C
bản Phình Cứ	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 45' 12"	103° 30' 31"					F-48-52-A
núi Phủng Khen Hắc	SV	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 40' 33"	103° 35' 36"					F-48-52-C
núi Sáng Lương	SV	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 41' 10"	103° 34' 55"					F-48-52-C
bản Thớ Tỷ	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 44' 01"	103° 29' 23"					F-48-51-D
bản Trạm Củ	DC	xã Ta Ma	H. Tuần Giáo	21° 45' 09"	103° 33' 13"					F-48-52-A
huổi Anh	TV	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo			21° 31' 39"	103° 24' 41"	21° 33' 57"	103° 23' 40"	F-48-51-D
há Chua Tác	TV	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo			21° 29' 03"	103° 25' 42"	21° 29' 34"	103° 26' 55"	F-48-63-B
bản Há Dùa	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 28' 27"	103° 26' 10"					F-48-63-B
bản Huổi Anh	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 32' 46"	103° 24' 12"					F-48-51-D
nhóm Pá Ca	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 28' 41"	103° 26' 34"					F-48-63-B
bản Ten Hon	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 30' 37"	103° 25' 49"					F-48-51-D
núi Thẳm Kha	SV	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 32' 47"	103° 24' 47"					F-48-51-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thẳm Nặm	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 30' 39"	103° 27' 00"					F-48-51-D
núi Thẳm Phúc	SV	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 27' 53"	103° 26' 05"					F-48-63-B
bản Xá Tự	DC	xã Tênh Phông	H. Tuần Giáo	21° 27' 14"	103° 26' 10"					F-48-63-B
bản Chế Á	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 35' 26"	103° 27' 24"					F-48-51-D
bản Háng Tàu	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 33' 49"	103° 30' 29"					F-48-52-C
bản Hua Sa A	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 35' 32"	103° 29' 17"					F-48-51-D
bản Hua Sa B	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 34' 35"	103° 28' 58"					F-48-51-D
bản Lồng	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 35' 36"	103° 31' 17"					F-48-52-C
bản Sông la	DC	xã Tỏa Tình	H. Tuần Giáo	21° 36' 14"	103° 28' 42"					F-48-51-D

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng